



CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN

VIỆN CHIẾN LƯỢC
NGÂN HÀNG

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:
khoa hocnganhang.org.vn

BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

RESEARCH BULLETIN

SỐ 1 - THÁNG 1/2023 - VOLUME: – JANUARY 2023

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

Liên hệ

Email:

research.bsi@sbv.gov.vn

**NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM**

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,
quận Đống Đa,
Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ

<p style="text-align: center;">Sự truyền dẫn lạm phát qua kênh chi phí đẩy</p>	<p style="text-align: center;">Ba nguyên tắc hướng dẫn thiết kế kiến trúc tiền tệ kỹ thuật số ngân hàng trung ương bán lẻ được đề xuất của Cơ quan tiền tệ Hồng Kông HKMA</p>	<p style="text-align: center;">Thị trường ngoại hối toàn cầu trong thời kỳ biến động mạnh</p>	<p style="text-align: center;">Hiểu về sức mạnh của đồng Đô la</p>
<p>Chi phí đầu vào trung gian cũng như chi phí mua vào sản phẩm mà các doanh nghiệp Nhật Bản tăng lên rõ rệt khi giá hàng hóa quốc tế tăng và đồng yên mất giá trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu phục hồi sau đại dịch COVID-19. Chi tiết</p>	<p>Bài nghiên cứu này nhằm mục đích cung cấp cho những người tham gia cuộc họp cái nhìn tổng quan về nghiên cứu về đồng tiền kỹ thuật số ngân hàng trung ương bán lẻ (rCBDC) của HKMA cũng như nêu bật ba nguyên tắc được chọn đã hướng dẫn thiết kế kiến trúc đề xuất của chúng tôi. Chi tiết</p>	<p>Doanh thu giao dịch ngoại hối (FX) toàn cầu mỗi ngày đạt trung bình hơn 7,5 nghìn tỷ đô la vào tháng 4/2022 trong bối cảnh môi trường thị trường đầy biến động. Chi tiết</p>	<p>Các tác giả phân tích mối liên kết giữa sự tăng giá liên tục của đồng đô la Mỹ từ năm 2011 đến năm 2019 với dòng vốn quốc tế được thúc đẩy bởi các nhân tố kinh tế ban đầu. Chi tiết</p>
<p style="text-align: center;">Tiền tệ hóa sự đổi mới (Monetization of Innovation)</p>			
<p>Chúng tôi phát triển một mô hình năng động cho các công ty dịch vụ kỹ thuật số đầu tư vào việc lĩnh vực tiền tệ hóa (monetization) để tạo thu nhập từ các dịch vụ cung cấp miễn phí cho khách hàng. Chi tiết</p>			

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU

ĐẠI DỊCH, TIỀN MẶT VÀ HÀNH VI THANH TOÁN BÁN LẺ: PHÂN TÍCH, GIẢI THÍCH CÁC HÀNH VI TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TƯƠNG LAI CỦA HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN

Đại dịch Covid -19 là một cú sốc làm thay đổi hành vi thanh toán bán lẻ. Sự thay đổi này được ghi nhận như thế nào ở các quốc gia? Những thay đổi đó gợi mở điều gì đối với tương lai của tiền mặt và hoạt động thanh toán số? Chúng tôi đã xây dựng cơ sở dữ liệu “Tương lai của hoạt động thanh toán” để thu thập thông tin về hành vi thanh toán bán lẻ diễn ra ở 95 quốc gia từ tháng 9/2019 đến tháng 6/2022. Chúng tôi đối chiếu dữ liệu với các mức độ nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, sử dụng phương án xác định thời điểm xuất hiện các làn sóng ca nhiễm mới, những thay đổi về việc di chuyển và các biện pháp phong tỏa ở các nước. Chúng tôi phát hiện thấy rằng thanh toán không xuất trình thẻ (card-not-present (CNP) payment), các lượt tải ứng dụng thanh toán và số lượng tiền mặt trong lưu thông đều tăng lên trong các tuần thực hiện phong tỏa nghiêm ngặt. Các thay đổi được ghi nhận chính thức là ít hơn ở các quốc gia có tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động cao hơn. Tuy nhiên, dữ liệu mới đây lại cho thấy một số tác động bị đảo ngược khi các đợt phong tỏa được nới lỏng và việc di chuyển của người dân quay trở lại bình thường. [Chi tiết](#)

NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

THÔNG TIN ĐỀ TÀI TRONG NƯỚC

MÃ SỐ	TÊN ĐỀ TÀI	CHỦ NHIỆM
DANH.001/21	Ứng dụng học máy (Machine Learning) vào xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tín dụng tại Việt Nam. (Chi tiết)	ThS. Phan Huy Thắng, Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam, NHNN
ĐTNH.003/21	Ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến nền kinh tế và vai trò của chính sách tiền tệ. (Chi tiết)	TS. Phạm Thị Tuyết Trinh - Phó Trưởng Khoa Kinh tế quốc tế, Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh.
ĐTNH-CS.002/21	Giải pháp xây dựng hệ thống e-learning hiệu quả cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (Chi tiết)	ThS. Đặng Xuân Huệ, Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng, NHNN

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
DIỄN ĐÀN KỊCH BẢN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023. (Chi tiết)	CHUYÊN GIA KINH TẾ BƯỚC VÀO NHÀ THỜ VÀ NHỮNG NƠI KHÔNG NGỜ KHÁC ĐỂ HIỂU VỀ RỦI RO. (Chi tiết)
HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC CỦA CHÍNH PHỦ VỚI ĐỊA PHƯƠNG TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2022 VÀ TRIỂN KHAI KẾT LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI KHÓA XV VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023. (Chi tiết)	HẬU KHỦNG HOẢNG: BẢY BÍ QUYẾT BẢO TOÀN CỦA CẢI TRONG THỜI GIAN TỐI. (Chi tiết)

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ

1. Sự truyền dẫn lạm phát qua kênh chi phí đẩy (Pass-Through of Cost-Push Pressures to Consumer Prices).

Nguồn: Ngân hàng Trung ương Nhật Bản

*Tác giả: Tomoyuki Yagi; Yoshiyuki Kurachi; Masato Takahashi; Kotone Yamada; Hiroshi Kawata*5*

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 05/11/2020

Chi phí đầu vào trung gian cũng như chi phí mua vào sản phẩm mà các doanh nghiệp Nhật Bản tăng lên rõ rệt khi giá hàng hóa quốc tế tăng và đồng yên mất giá trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu phục hồi sau đại dịch COVID-19. Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi phân tích định lượng “mức độ truyền dẫn” - tức là mức độ tác động của việc gia tăng áp lực chi phí đẩy đối với lạm phát (giá đối với hàng hóa tiêu dùng cuối cùng) - và xem xét những thay đổi gần đây và bối cảnh của chúng. Kết quả định lượng mang lại hai hàm ý. Đầu tiên, tỷ lệ truyền dẫn tỷ giá hối đoái đã tăng lên trong những năm gần đây phản ánh mức độ tác động hàng nhập khẩu cao hơn. Thứ hai, tỷ lệ truyền dẫn của nguyên liệu thô và các chi phí khác, không tính đến chi phí do tỷ giá hối đoái, phần nào đó nhu cầu đã tăng lên đối với hàng hóa trung gian và thậm chí cả đối với một số mặt hàng nhu cầu cuối cùng. Vì tỷ lệ truyền dẫn phụ thuộc vào: (i) áp lực chi phí đẩy; (ii) chu kỳ kinh doanh; và (iii) tình trạng cung cầu khan hiếm một phần do ảnh hưởng của đại dịch, diễn biến của chúng cần được theo dõi chặt chẽ.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Ba nguyên tắc hướng dẫn thiết kế kiến trúc tiền tệ kỹ thuật số ngân hàng trung ương bán lẻ được đề xuất của Cơ quan tiền tệ Hồng Kông HKMA (Three principles guiding the design of the Hong Kong Monetary Authority HKMA' proposed retail central bank digital currency architecture).

Nguồn: BIS

Tác giả: Hong Kong Monetary Authority

Chủ đề nghiên cứu:***Ngày xuất bản: October 2022***

Bài nghiên cứu này nhằm mục đích cung cấp cho những người tham gia cuộc họp cái nhìn tổng quan về nghiên cứu về đồng tiền kỹ thuật số ngân hàng trung ương bán lẻ (rCBDC) của HKMA cũng như nêu bật ba nguyên tắc được chọn đã hướng dẫn thiết kế kiến trúc đề xuất của chúng tôi. Phần đầu tiên của bài báo cung cấp thông tin cơ bản về nghiên cứu đồng đô la Hồng Kông điện tử (e-HKD) do HKMA thực hiện, trong đó một kiến trúc cho việc phân phối và lưu hành rCBDC đã được đề xuất.

Phần thứ hai trình bày ngắn gọn về mô hình được thông qua, giải thích lý do tại sao nó được chọn và mô tả cách thức hoạt động của kiến trúc. Phần thứ ba và phần cuối cùng đi sâu vào ba nguyên tắc thiết kế đã được HKMA xem xét trong quá trình xây dựng kiến trúc đề xuất, đó là tính linh hoạt, khả năng bảo vệ quyền riêng tư và khả năng tương tác.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

3. Thị trường ngoại hối toàn cầu trong thời kỳ biến động mạnh (The global foreign exchange market in a volatile time).***Nguồn: BIS Quarterly Review, December 2022******Tác giả: Vladyslav Sushko******Chủ đề nghiên cứu:******Ngày xuất bản: 5/12/2022***

Doanh thu giao dịch ngoại hối (FX) toàn cầu mỗi ngày đạt trung bình hơn 7,5 nghìn tỷ đô la vào tháng 4/2022 trong bối cảnh môi trường thị trường đầy biến động. So với cuộc khảo sát tiến hành ba năm một lần của BIS trước đó vào năm 2019, khối lượng giao dịch cao hơn do có nhiều hoạt động hơn trong các công cụ phái sinh ngoại hối ngắn hạn và nhiều giao dịch giữa các đại lý hơn. Ngược lại, giao dịch với khách hàng bị đình trệ, phản ánh sự suy giảm đầu tư quốc tế vào năm 2022. Phần lớn giao dịch được thực hiện thông qua các phương thức song phương, thay vì thông qua các nền tảng đa phương cung cấp thông tin giá cả cho tất cả những người tham gia, cho thấy rằng tính minh bạch của thị trường ngoại hối có thể đã giảm đi.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

4. Hiểu về sức mạnh của đồng Đô la (Understanding the Strength of the Dollar).

Nguồn: NBER

Tác giả: Zhengyang Jiang, Robert Richmond, and Tony Zhang

Chủ đề nghiên cứu:

Ngày xuất bản: 10/2022

Các tác giả phân tích mối liên kết giữa sự tăng giá liên tục của đồng đô la Mỹ từ năm 2011 đến năm 2019 với dòng vốn quốc tế được thúc đẩy bởi các nhân tố kinh tế ban đầu. Các tác giả chỉ ra rằng việc tăng tiết kiệm ròng của các nhà đầu tư nước ngoài, tăng lãi suất chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ so với phần còn lại của thế giới và sự thay đổi nhu cầu đối với các tài sản tài chính của Hoa Kỳ của các nhà đầu tư góp phần làm đồng Đô la tăng giá. Sau đó, chúng tôi lượng hóa tác động của sự thay đổi nhu cầu tiềm năng trong tương lai đối với tài sản của Hoa Kỳ dựa trên giá trị của đồng Đô la.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

5. Tiền tệ hóa sự đổi mới (Monetization of Innovation).

Nguồn: Finance and Economics Discussion Series (FEDS)

Tác giả: Missaka Warusawitharana and Francesca Zucchi

Chủ đề nghiên cứu:

Ngày xuất bản: 12/2022

Chúng tôi phát triển một mô hình năng động cho các công ty dịch vụ kỹ thuật số đầu tư vào việc lĩnh vực tiền tệ hóa (monetization) để tạo thu nhập từ các dịch vụ cung cấp miễn phí cho khách hàng. Mô hình của chúng tôi giải thích lý do tại sao những công ty như vậy thường xây dựng được cơ sở khách hàng lớn và được đánh giá cao trong khi vẫn tiếp tục thua lỗ - khi mà các mô hình truyền thống sẽ khó khăn trong việc giải thích mô hình này. Phân tích đối chứng cho thấy rằng tính không chắc chắn của tiền tệ hóa làm chậm tiến bộ công nghệ bằng cách chuyển hướng các nguồn lực ra khỏi sự đổi mới. Chúng tôi cũng chỉ ra rằng quy định nhằm bảo vệ quyền riêng tư của người dùng có tác

động bất lợi đáng kể đến quy mô công ty và chất lượng của dịch vụ được cung cấp, nhưng có lẽ đáng ngạc nhiên là lại khiến các công ty ít thua lỗ hơn. Mặt khác, quy định khuyến khích cạnh tranh hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU

Đại dịch, tiền mặt và hành vi thanh toán bán lẻ: Phân tích, giải thích các hành vi trên cơ sở dữ liệu về tương lai của hoạt động thanh toán

Tác giả: Raphael Auer, Giulio Cornelli và Jon Frost

Vụ Tiền tệ và Kinh tế (Tháng 12/2022)

Nghiên cứu của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) do các thành viên Vụ Tiền tệ và Kinh tế của BIS hoặc do các nhà kinh tế dự thảo và được BIS xuất bản công khai. Các nghiên cứu tập trung vào các chủ đề đang được quan tâm và có phân tích kỹ thuật các nội dung nghiên cứu. Quan điểm thể hiện trong bản nghiên cứu là quan điểm cá nhân của tác giả, không nhất thiết là quan điểm của BIS.

Ngân hàng Thanh toán Quốc tế 2022. Quyền sở hữu đã được đăng ký và bảo hộ. Mọi trích dẫn và bản dịch cần ghi rõ nguồn.

Tóm tắt

Đại dịch Covid-19 là một cú sốc làm thay đổi hành vi thanh toán bán lẻ. Sự thay đổi này được ghi nhận như thế nào ở các quốc gia? Những thay đổi đó gợi mở điều gì đối với tương lai của tiền mặt và hoạt động thanh toán số? Chúng tôi đã xây dựng cơ sở dữ liệu “Tương lai của hoạt động thanh toán” để thu thập thông tin về hành vi thanh toán bán lẻ diễn ra ở 95 quốc gia từ tháng 9/2019 đến tháng 6/2022. Chúng tôi đối chiếu dữ liệu với các mức độ nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, sử dụng phương án xác định thời điểm xuất hiện các làn sóng ca nhiễm mới, những thay đổi về việc di chuyển và các biện pháp phong tỏa ở các nước. Chúng tôi phát hiện thấy rằng thanh toán không xuất trình thẻ (card-not-present (CNP) payment), các lượt tải ứng dụng thanh toán và số lượng tiền mặt trong lưu thông đều tăng lên trong các tuần thực hiện phong tỏa nghiêm ngặt. Các thay đổi được ghi nhận chính thức là ít hơn ở các quốc gia có tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động cao hơn. Tuy nhiên, dữ liệu mới đây lại cho thấy một số tác động bị đảo ngược khi các đợt phong tỏa được nới lỏng và việc di chuyển của người dân quay trở lại bình thường.

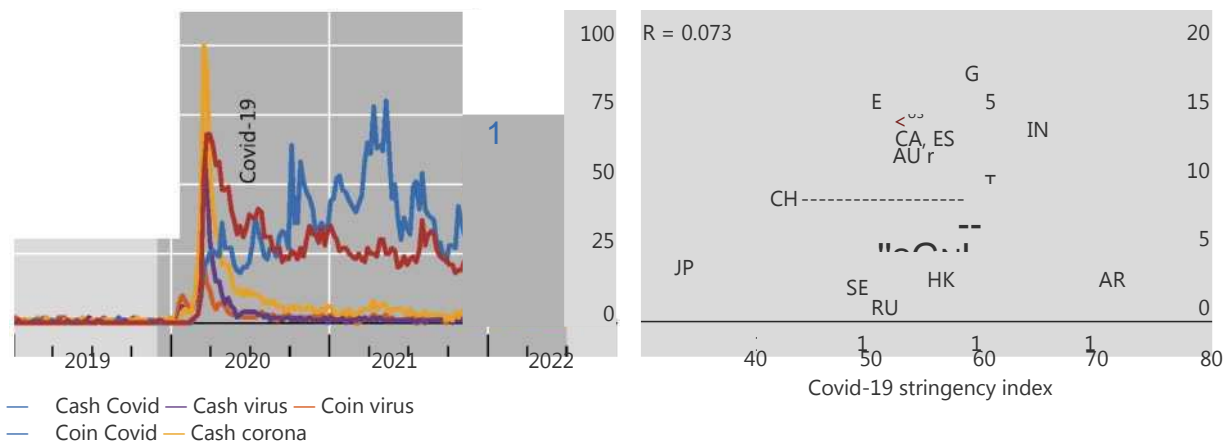
Giới thiệu

Trong đại dịch Covid-19, người tiêu dùng suy nghĩ lại cách thanh toán của họ. Những quan ngại về lây truyền virus qua tiền mặt dẫn đến cả người tiêu dùng và người bán hàng chuyển sang các phương thức thanh toán số (Auer và cộng sự (2020a); BIS (2021)). Trong khi nghiên cứu vi sinh học cho thấy rằng tiền giấy và

tiền xu không có nhiều khả năng truyền các mầm bệnh hơn các bề mặt tiếp xúc thông thường khác, việc rút và sử dụng tiền mặt vẫn giảm. Các tìm kiếm trên internet về "tiền mặt và virus" và các từ khóa liên quan tăng lên ở các nước trên khắp thế giới (Biểu đồ 1, bảng bên trái) - đặc biệt ở những nước và vào các tuần có số ca nhiễm Covid-19 tăng cao hơn, phong tỏa nghiêm ngặt hơn (Biểu đồ 1, bảng bên phải).

Có đôi chút trái ngược, tiền mặt trong lưu thông thực tế tăng ở hầu hết các nước (Biểu đồ 2, bảng bên trái). Như chúng tôi chứng minh dưới đây, điều này cũng liên quan các hành vi có tính thận trọng (ví dụ như để dự trữ). Trong khi đó, có một sự chuyển đổi tương ứng sang thanh toán số, như thanh toán thẻ không tiếp xúc, mà không yêu cầu người dùng ký hoặc gõ số định dạng cá nhân (PIN) tại điểm bán hàng (bảng ở giữa).²

Covid-19 đã dẫn đến những quan ngại về sự an toàn của tiền giấy và tiền xu



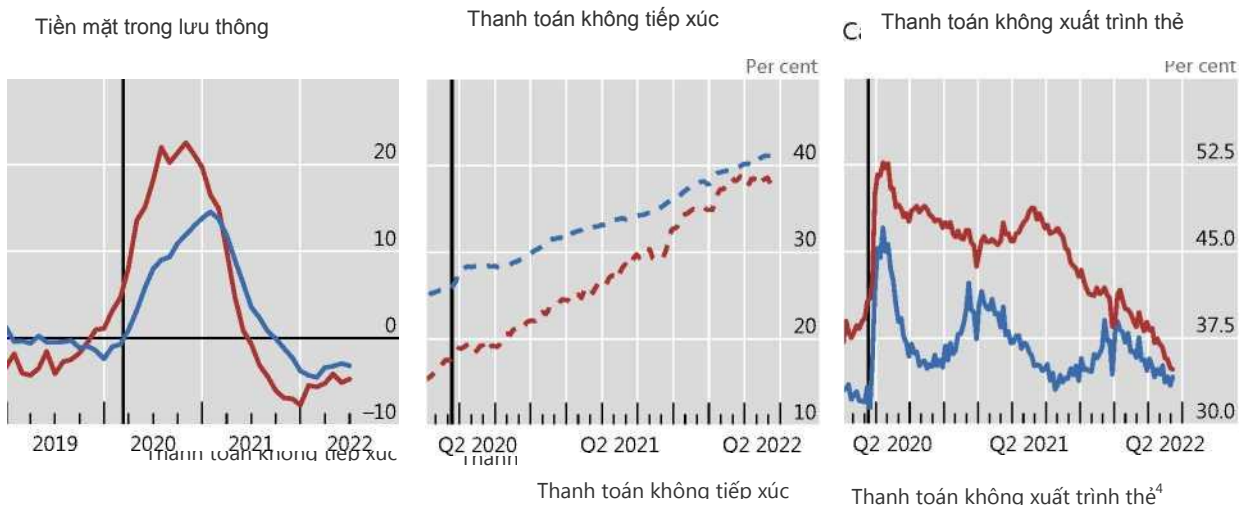
Các vùng mờ trong bảng bên trái từ Tháng 12/2019-thời điểm đến hiện tại (Covid-19).

¹ Số liệu tiếp cận đến ngày 1/3/2021. Số liệu thu thập từ tìm kiếm Google toàn cầu đối với các từ khóa được chọn trong giai đoạn 2008- 6/2022 được phân chia mức độ quan tâm tìm kiếm, với mức cao nhất là 100; ² Bình quân quốc gia được tính trên mẫu 954 quan sát theo tần suất hàng tuần đối với AR, AU, BR, CA, CH, DE, ES, GB, HK, IN, IT, JP, NL, RU, SE, SG, US và ZA. Số liệu năm 2020. ³ Mức độ bình quân quốc gia quan tâm tìm kiếm trên internet các từ thể hiện trong bảng bên trái.

Nguồn: R Auer, G Cornelli và J Frost (2020a): "Covid-19, cash, and the

future of payments”, *BIS Bulletins*, no 3, April; Hale et al (2020);
trends.google.com; authors' calculations.

Đại dịch dẫn đến những dịch chuyển đáng kể trong thanh toán bán lẻ, nhưng không phải tất cả đều kéo dài **Biểu đồ 2**



Đường dọc màu đen ở bảng giữa thể hiện ngày 11/3/2020, khi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tuyên bố Covid-19 bùng phát là một “tình huống y tế công cộng đáng quan ngại quốc tế”.

¹ Các đường thể hiện thay đổi theo từng năm theo tỷ lệ tiền trong lưu thông trên GDP. ² Đối với AEs, bình quân giản đơn của AU, CA, CH, EA, GB, JP, SE và US. Đối với EMEs bình quân giản đơn của AR, BR, CN, HK, ID, IN, KR, MX, RU, SA, SG, TR và ZA. ³ Bình quân tính theo tỷ trọng GDP của tỷ lệ giá trị giao dịch không tiếp xúc trên giá trị giao dịch thuần xuất trình thẻ (cả hai được tính bằng USD). ⁴ Bình quân tính theo tỷ trọng GDP của tỷ lệ giá trị giao dịch không xuất trình thẻ (CNP) trên tổng giá trị giao dịch (cả hai đều được tính bằng USD). ⁵ Bình quân theo tỷ trọng của AU, CA, CH, DE, ES, GB, IT, JP, NL, SE và US với tỷ trọng tính theo GDP năm 2019. ⁶ Bình quân tính theo tỷ trọng của AR, BR, HK, IN, SG và ZA với các tỷ trọng tính theo GDP 2019.

Nguồn: IMF, *World Economic Outlook*; World Bank; Datastream; các mạng lưới thẻ toàn cầu; tính toán của các tác giả. ^{*12}. Tuy nhiên, không phải tất

³ Ví dụ xem Ardizzi và cộng sự (2020), Jonker và cộng sự (2020) và Khanra và cộng sự (2021).

⁴ Xuyên suốt nghiên cứu này chúng tôi đề cập tới "các quốc gia" có nghĩa cả các chủ quyền quốc gia và nền kinh tế như Hong Kong mà là phần của một phần của một chủ quyền lớn hơn.

⁵ Ví dụ, một khảo sát đặc biệt của ECB năm 2020 cho thấy rằng người Bồ Đào Nha lo ngại lớn về lây nhiễm qua tiền mặt, trong khi Người Áo hầu như chẳng lo ngại chút nào (ECB (2020)). Một ví dụ khác là cái Mỹ đã trải qua một sự thiếu hụt tiền xu, trong khi Canada cho thấy lưu thông tiền xu giảm.

cả các xu hướng này kéo dài vượt giai đoạn nghiêm trọng nhất của đại dịch. Các giao dịch không xuất trình thẻ được dùng để mua sắm trực tuyến (thương mại điện tử), cũng cho thấy tăng trưởng nhanh chóng trên toàn thế giới (Alfonso và cộng sự (2020), nhưng những số liệu này lại giảm khi phong tỏa kết thúc và dịch chuyên tăng lên (bảng bên phải). Ở cuối mẫu của chúng tôi, thanh toán không xuất trình thẻ chạm đến gần các mức trước đại dịch ở các nền kinh tế phát triển (advanced economies-AEs), và thậm chí giảm nhẹ dưới các mức trước đại dịch ở các nền kinh tế mới nổi (emerging market economies-EMEs).

Các mẫu thu thập khác nhau ghi lại rằng khi các nền kinh tế trên thế giới hồi phục từ cú sốc Covid-19 và thích ứng với một thế giới có vắc xin, những căng thẳng về virus mới và các hạn chế mới, một vài cú sốc có thể từ từ lắng xuống. Nhưng những yếu tố khác như sự quen thuộc hơn với các cách thức thanh toán số hay sự xuất hiện nhanh hơn các phương thức thanh toán mới có thể có ảnh hưởng kéo dài và có tầm quan trọng đối với hệ thống thanh toán.

Bài viết này đưa ra một nghiên cứu có tính hệ thống liên quốc gia về tác động của Covid-19 lên hành vi thanh toán. Trong khi các khảo sát đã ghi nhận có sự thay đổi trong hành vi thanh toán bán lẻ ở những thị trường cụ thể,³ nhưng vẫn có khoảng trống số liệu có tần suất cao hơn, số liệu liên quốc gia về các thị trường thanh toán trên thế giới. Tác động của đại dịch – một cú sốc ngoại sinh ngoài dự kiến – đã thay đổi mạnh mẽ theo thời gian, với hàng loạt làn sóng lây nhiễm mới và các biện pháp phong tỏa và giữa các quốc gia. Điều này đưa ra một cơ hội mới để đánh giá những thay đổi trong hành vi thanh toán bán lẻ mang tính hệ thống.

Chúng tôi bắt đầu xây dựng một cơ sở dữ liệu mới về thanh toán bán lẻ, thu thập ở 95 nước từ tháng 9/2019 đến tháng 6/2022 theo tần suất tuần hoặc tháng.⁴ Cơ sở dữ liệu bao gồm thông tin về: (i) tiền mặt trong lưu thông; (ii) thanh toán thẻ tín dụng, đặc biệt tỷ lệ xuất trình thẻ, không tiếp xúc và giao dịch không xuất trình thẻ; (iii) nỗ lực của NHTW về nghiên cứu và phát triển tiền kỹ thuật số của NHTW (CBDCs); (iv) lượt tìm kiếm trên internet đo lường sự quan tâm của người dùng đối với các chủ đề liên quan tới thanh toán, như “ATM gần tôi”, “Tiền mặt Covid” và CBDCs và (v) sử dụng ứng dụng thanh toán số, ví dụ

⁶ Cũng có sự khác nhau lớn theo mức độ quốc gia-thời gian. Ví dụ, Mỹ đã trải qua ba làn sóng khác nhau. Nhiều nước ở Đông Âu đã không bị ảnh hưởng bởi làn sóng đầu, nhưng rất bị ảnh hưởng bởi làn sóng thứ hai – và Trung Quốc đến nay đã tránh được làn sóng thứ hai.

số lượt tải về và người dùng hàng ngày các ứng dụng thanh toán hàng đầu ở các nước. Chúng tôi cũng thu thập thông tin về tính nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 (sự nghiêm ngặt của các biện pháp phong tỏa, các chỉ số dịch chuyển Google, và các ca mới nhiễm và tổng số ca mắc tương quan với dân số) và các chỉ số tài chính và kinh tế vĩ mô. Cơ sở dữ liệu "Tương lai của Thanh toán" này lấy từ các nguồn thông tin công khai và các nguồn phù hợp khác, được tự do tiếp cận trên website của BIS. Bộ dữ liệu này còn bổ sung thêm các nguồn công khai khác, như số liệu thống kê Sách đỏ hàng năm (Red Book).

Tiếp đến, chúng tôi chứng minh các xu hướng chung và khác biệt cơ sở giữa các nước trong các hành vi thanh toán trước đại dịch, mức độ bị ảnh hưởng bởi đại dịch, phản ứng của các nước về mặt các chính sách ngăn ngừa bệnh dịch và sự thay đổi trong hành vi thanh toán.⁵ Theo chiều thời gian, sự hiện diện của nhiều “làn sóng” lây nhiễm mới và các biện pháp phong tỏa (mà không đồng nhất giữa các nước) hàm ý rằng chúng ta có thể phân tích những thay đổi cả trong những giai đoạn căng thẳng và giai đoạn trở lại bình thường sau đại dịch.³

Để tìm hiểu sự khác biệt này, chúng tôi dùng một phương pháp hồi quy dạng bảng cho 18 nước mà có đầy đủ số liệu về tiền mặt, thẻ và ứng dụng thanh toán trong giai đoạn tháng 12/2019 đến tháng 12/2020 – là giai đoạn đại dịch nghiêm trọng. Chúng tôi nhận thấy, thứ nhất là khi mức độ căng thẳng của đại dịch cao hơn thì tiền mặt trong lưu thông nhiều hơn, thanh toán không xuất trình thẻ và việc tải ứng dụng thanh toán cũng tăng lên. Thứ hai, chúng tôi thấy mức độ gia tăng sử dụng dịch vụ thanh toán số trong suốt đại dịch là thấp hơn ở các nước có mức sở hữu điện thoại di động cao; việc tiếp cận với các thiết bị di động giúp giảm nhẹ sự biến động trong hoạt động thanh toán.

Một đóng góp quan trọng vào nghiên cứu này là việc thiết lập cơ sở dữ liệu của các quốc gia về hành vi thanh toán bán lẻ và chúng tôi sử dụng dữ liệu này để minh chứng các tác động của đại dịch. Điều này phù hợp với các nghiên cứu kinh điển về kinh tế học về lựa chọn thanh toán của người tiêu dùng (Humphrey và cộng sự (2001), Klee (2008) và Koulayev và cộng sự (2016)). Nó cũng phù hợp với những thay đổi về việc ứng dụng công nghệ tài chính trong các đại dịch đã xảy ra trong quá khứ (Aksoy và cộng sự (2021)). Cuối cùng, nó bổ sung thông tin cho các nghiên cứu trước đó, để củng cố các phát

hiện cho rằng sự xuất hiện các phương tiện thanh toán là kết quả trực tiếp từ việc thay đổi các phương thức chi tiêu (Alvarez và Argente (2020), Brown và cộng sự (2020), Felt (2020). Ebner và cộng sự (2021)) và chu kỳ kinh tế tổng hợp (Chodorow-Reich và cộng sự (2018)). Chúng tôi mở rộng nghiên cứu bằng cách tổng hợp số liệu toàn diện từ giai đoạn gần đây nhất và đưa ra bằng chứng về những thay đổi trong đại dịch Covid-19.

Cơ sở dữ liệu của chúng tôi có thể được sử dụng cho các chính sách công. Đánh giá những dịch chuyển này trong hành vi thanh toán có ý nghĩa quan trọng cho một số lĩnh vực hoạt động của các NHTW và Chính phủ - như xây dựng các chiến lược thanh toán bán lẻ, chiến lược tài chính toàn diện, tăng cường quy định về tiền mặt, cũng như xem xét về phát hành CBDC bán lẻ. Với các kết quả nghiên cứu này, chúng tôi cho thấy tính không đồng nhất trong sự thay đổi về hành vi thanh toán bán lẻ, và các chính sách công sẽ phải thích ứng với các bối cảnh pháp lý khác nhau. Cơ sở dữ liệu này cũng có thể phục vụ các nhà nghiên cứu về các khía cạnh kinh tế học của hoạt động thanh toán.

Nghiên cứu này được cấu trúc như sau. Phần hai mô tả việc xây dựng cơ sở dữ liệu của chúng tôi về các hành vi thanh toán bán lẻ suốt thời gian đại dịch. Phần ba hình thành cả các xu hướng chung và sự khác nhau theo thời gian và quốc gia. Phần bốn thảo luận các phân tích hồi quy của chúng tôi về những thay đổi trong các hành vi thanh toán đối với một tập hợp số liệu lỗi của 18 quốc gia. Phần năm thảo luận các xu hướng liên quan đối với chính sách, xoay quanh các nội dung cụ thể, gồm (i) thay đổi trong lập trường của các NHTW về phát hành CBDC bán lẻ, (ii) truyền thông về các chiến lược thanh toán bán lẻ và (iii) tăng cường quy định đối với việc cung ứng tiền mặt vào lưu thông.

2. Xây dựng tương lai cơ sở dữ liệu thanh toán

Cơ sở dữ liệu được tổng hợp bởi các tác giả từ các nguồn thông tin riêng và công khai. Đây là số liệu “lỗi” tập hợp từ 18 quốc gia trong thời gian từ cuối tháng 12/2019 tới cuối tháng 12/2020, và một tập hợp dữ liệu “mở rộng” lên đến 95 quốc gia trong giai đoạn từ tháng 9/2019 tới tháng 6/2022. Cả hai nguồn dữ liệu này bao gồm năm lĩnh vực chủ đề, với tần suất thu thập theo tuần hoặc tháng:

i. Số liệu về tiền mặt trong lưu thông và rút tiền mặt. Số liệu về tiền mặt trong lưu thông công khai từ các NHTW quốc gia và các tổ chức quốc tế,

thường theo tần suất tháng. Để các chuỗi số liệu có thể so sánh và xử lý yếu tố mang tính thời vụ, chúng tôi tính toán sự thay đổi về tiền mặt trong lưu thông theo từng năm, tính theo điểm phần trăm (pp). Đối với các thị trường được chọn (ví dụ Australia, India, Netherlands, Russia, Spain, Switzerland và the United Kingdom), số liệu theo các tần suất khác nhau về rút tiền tại ATM có thể giúp đánh giá liệu những thay đổi về tiền mặt trong lưu thông có phải do rút tiền nhiều hơn hay do tiền gửi giảm.

ii. Các số liệu về thanh toán thu được từ các mạng lưới thẻ toàn cầu ở 18 nước trong khoảng từ tháng 9/2019 tới tháng 5/2022. Chuỗi số liệu riêng này được thu thập bởi các tác giả từ các mạng lưới khác nhau, phụ thuộc vào các thỏa thuận về số liệu. Các chỉ số bao gồm các tỷ lệ giao dịch có xuất trình thẻ trên tổng giao dịch thuần, tỷ lệ thanh toán không tiếp xúc trên tổng số giao dịch xuất trình thẻ, và tỷ lệ giao dịch không xuất trình thẻ trên tổng giao dịch thuần. Cụ thể, các giao dịch có xuất trình thẻ là các thanh toán được thực hiện bằng một thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng (hoặc một thẻ ảo trên smart phone) mà được quét qua hoặc giữ gần một điểm chấp nhận thẻ (card terminal). Ví dụ phổ biến nhất là các giao dịch tại điểm bán hàng trong cửa hàng (POS). Các giao dịch không tiếp xúc là một phần của các giao dịch trình thẻ và tương thích với các thanh toán thực hiện bằng cách chạm một thẻ không tiếp xúc với một điểm POS hỗ trợ không tiếp xúc. Cuối cùng, các giao dịch thanh toán không xuất trình thẻ tương thích với các thanh toán được thực hiện từ xa mà không cần xuất trình thẻ vật chất. Ví dụ điển hình là một mua hàng trực tuyến online. Tuy nhiên, việc này cũng có thể bao gồm giao dịch “mua trong cửa hàng” (in-store purchase) với một ứng dụng trên mobile phone mà lưu giữ chi tiết thẻ và dùng thông tin gần hiện trường (near-field communication - NFC). Tuy vậy, dữ liệu không thể phân biệt những giao dịch này với các giao dịch thanh toán không xuất trình thẻ khác. Các tỷ lệ này được tính toán theo giá trị nội tệ, giá trị tính theo USD⁷ và số lượng các giao dịch. Đối với mỗi loại hình, chúng tôi tạo ra một chuỗi tổng hợp cấp độ quốc gia với một bình quân trọng số của các chuỗi từ hai mạng lưới thẻ, dựa trên các ước tính thị phần theo khu vực. Chúng tôi có sử dụng nhiều thống kê ở mức độ nhỏ để duy trì độ tin cậy.⁸

iii. Các số liệu về công việc và lập trường của các NHTW về CBDCs. Đối với điều này, chúng tôi dùng thông tin công khai về các dự án nghiên cứu và phát triển CBDC, phát biểu của quan chức NHTW về phát hành CBDC và

một số bài phát biểu của các quan chức NHTW về CBDC bán lẻ và bán buôn (Auer và cộng sự (2020b)). Số điểm đánh giá của dự án có thể lấy giá trị 0 (không có nghiên cứu CBDC công bố), 1 (có nghiên cứu), 2 (có thử nghiệm) hoặc 3 (có CBDC hiện hành). Số liệu lần đầu tiên được lập theo chuỗi thời gian, cho phép các nghiên cứu xem xét những thay đổi trong lộ trình thực hiện dự án CBDC theo thời gian. Lập trường phát ngôn được tính toán đối với số phát ngôn có lập trường tích cực về phát hành CBDC từ cơ sở dữ liệu phát ngôn của các quan chức NHTW của BIS. Các tác giả đã đánh mã một phát ngôn trong đó một quan chức NHTW thông báo công việc CBDC hoặc ghi nhận hứa hẹn là tích cực; các phát biểu trong đó các rủi ro của việc phát hành CBDC được nhấn mạnh hoặc phát ngôn rằng phát hành CBDC là không cần thiết được đánh mã là một lập trường tiêu cực, và các phát ngôn khác được đánh mã trung tính.

iv. Số liệu về quan tâm tìm kiếm internet về tiền mặt và lây truyền Covid-19, khoảng cách tới ATMs, mua sắm trực tuyến và CBDCs. Thông tin này công khai từ các xu hướng của Google Trends. Chúng tôi dùng các từ khóa “tiền mặt corona”, “tiền mặt covid”, “tiền mặt virus”, “tiền xu covid”, “tiền xu virus”, “ATM gần tôi”, “cửa hàng trực tuyến”, “mua sắm trực tuyến”, “siêu thị trực tuyến”, “CBDC” và chủ đề “tiền kỹ thuật số của NHTW”.⁴

v. Số liệu về lượt tải và sử dụng ứng dụng thanh toán. Các chuỗi số liệu này là các số liệu riêng được tổng hợp bởi các tác giả từ Tháp Kiểm duyệt (Sensor Tower), công ty bán số liệu tư nhân. Chúng tôi báo cáo tổng số các lượt tải các ứng dụng thanh toán trong top 25 ứng dụng tài chính ở mỗi nước, theo phân loại bởi Sensor Tower từ các Google Play và Apple App. Chúng tôi đã đánh giá các ứng dụng tư nhân cho tất cả 18 nước và lựa chọn những ứng dụng cụ thể về thanh toán.⁵ Mẫu kết quả bao gồm các ứng dụng được giới thiệu bởi các công ty công nghệ lớn, công ty fintech, các tổ chức tài chính đang hoạt động và các công ty khác giới thiệu các dịch vụ phi công nghệ (ví dụ các nhà bán lẻ). Chúng tôi cũng cung cấp số người dùng có giao dịch hàng tuần của các ứng dụng thanh toán này, như ước tính của Sensor Tower. Cả hai chuỗi được chia theo dân số từng nước như cung cấp bởi World Bank.

Ngoài ra, chúng tôi đã thu thập thông tin số liệu về Covid-19 như số ca nhiễm Covid-19 được báo cáo (cả tổng số trường hợp và trường hợp mới), được

chia theo 100.000 cư dân; và số ca mắc mới. Số liệu được lấy từ Thế giới Dữ liệu của chúng ta (Our World in Data) và Karlinsky và cộng sự (2021). Chúng tôi cũng sử dụng các chỉ số của Hale và cộng sự (2020), cung cấp thông tin về mức độ nghiêm ngặt của các biện pháp phong tỏa, diễn biến các phản ứng của chính phủ, các sáng kiến liên quan đến ngăn chặn và bảo vệ sức khỏe cũng như các chính sách hỗ trợ kinh tế được áp dụng để đối phó với đại dịch Covid-19. Các chỉ số này được tổng hợp từ một bộ gồm 20 chỉ số phản hồi của chính phủ và lấy các giá trị từ 1 (ít nghiêm ngặt hơn) đến 100 (nghiêm ngặt hơn)⁶. Cuối cùng, chúng tôi sử dụng dữ liệu từ Google Mobility Index về tính di động trên các danh mục địa điểm khác nhau như cửa hàng bán lẻ, trung tâm giải trí, cửa hàng tạp hóa và hiệu thuốc, công viên, trạm trung chuyển, nơi làm việc và khu dân sinh.

⁷ Các giá trị tính bằng USD (cả các giao dịch trình thẻ và CNP) được tính từ số liệu cơ sở hàng ngày và được chuyển đổi sử dụng mức tỷ giá hàng ngày. "Tỷ lệ xuất trình thẻ" hàng tuần được đo bằng USD (diễn đạt như giá trị USD xuất trình thẻ hàng tuần/(giá trị USD trình thẻ hàng tuần + giá trị USD không trình thẻ hàng tuần)) là không nhất thiết trùng với tỷ lệ đo bằng đồng nội tệ, ví dụ nếu tỷ giá biến động và tương ứng nhiều hơn giao dịch trình thẻ xảy ra trong suốt các ngày trong tuần trong khi các giao dịch không xuất trình thẻ diễn ra trong suốt cuối tuần. Tuy nhiên, thực tế, những khác biệt này nhỏ.

⁸ Đối với mỗi nước, chúng tôi nhân giá trị của mỗi chỉ số cho mỗi mạng lưới thẻ ở nước đó theo thị phần của mạng lưới thẻ đó ở khu vực đó (Asia-Pacific/Middle East/Africa, Canada, Europe, Latin America và United States). Nhiều thống kê là biến ngẫu nhiên nhỏ mà bảo đảm rằng không bên nào có thể tính giá trị chính xác của mỗi chỉ số cho bất kỳ mạng lưới nào dựa trên số liệu công khai và số liệu riêng của (bất kỳ mạng lưới riêng lẻ nào khác).

⁹ Số liệu các xu hướng Google Trends được chuẩn hóa theo cấp độ quốc gia bằng tổng số tìm kiếm của từng nước và thời gian họ đưa ra. Như vậy, chúng tôi nhìn vào các chuỗi có thể so sánh theo thời gian. Đối với quan tâm tìm kiếm internet về tiền mặt và lây truyền Covid-19, chúng tôi chủ động bỏ qua từ khóa "tiền xu corona" vì "corona" trong một vài trường hợp được dùng như một phiên âm của các đồng "Krone" của Đan Mạch, "Krona" của Thụy Điển hay "Koruna" của CH Séc. Nói cách khác, một số đồng tiền có "corona" hay một từ tương tự trong tên. Lo ngại của chúng tôi là bao gồm từ này mà không thêm từ "virus" sẽ làm chệch số đo quan tâm tìm kiếm đối với các nước đó.

¹⁰ Chúng tôi dựa vào ủng hộ của những người nói tiếng bản xứ trong các trường hợp

⁶ Để biết thêm chi tiết, coi "Methodology for calculating indices" and "Codebook for the Oxford Covid-19 Government Response Tracker."

tên các ứng dụng bằng tiếng Arabic, Czech, Chinese, Korean, Japanese, Hindi, Hungarian, Russian và Thai.

Bảng 1 đưa ra số liệu thống kê mô tả về các biến chính cho bộ dữ liệu cốt lõi của 18 quốc gia từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2020, được sử dụng trong các phép hồi quy tiếp theo.

Số liệu thống kê mô tả, cơ sở dữ liệu lõi					Bảng 1
Thay đổi trong 4 tuần của	Số quan sát	Trung bình	Lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Tiền mặt trong lưu thông (1)	954	0.88	2.63	-13.80	14.80
Giao dịch không cần xuất trình thẻ chia sẻ trong số lượng giao dịch	954	0.46	4.50	-16.72	23.32
Số lượt tải xuống ứng dụng thanh toán trên mỗi 100 nghìn người (2)	954	3.32	67.83	-143.81	146.09
Tổng 25 ứng dụng tài chính hàng	954	16.08	942.12	-11,724.0	14,390.6

đầu trên 100.000 người					
Cường độ tìm kiếm của Google cho “ATM gần tôi”	954	-1.33	20.24	-88.00	75
Chỉ số nghiêm ngặt của Covid	882	5.21	18.07	-26.86	89.81
Chỉ số di động của Google (3)	774	- 2.38	18.00	-82.34	36.94
Số ca mắc mới trên 100.000 người (4)	954	12.66	60.71	-361.91	594.59

(1) Để giải quyết xu hướng mùa vụ, chỉ số để tính toán sự thay đổi theo mỗi kỳ bốn tuần trong sự thay đổi hàng năm của tiền mặt trong lưu thông.

(2) Thay đổi trong 4 tuần về số lượt tải xuống ứng dụng thanh toán trong số 25 ứng dụng tài chính hàng đầu của quốc gia, được Sensor Tower phân loại. Loại bỏ biến có giá trị bất thường ở phần trăm thứ 5 và 95.

(3) Thay đổi trong 4 tuần đối với chỉ số về mức trung bình danh mục địa điểm của hàng bán lẻ, trung tâm giải trí, phương tiện công cộng, nhà ga và nơi làm việc.

(4) Thay đổi trong 4 tuần, được loại bỏ biến giá trị bất thường ở phần trăm thứ 2,5 và 97,5.

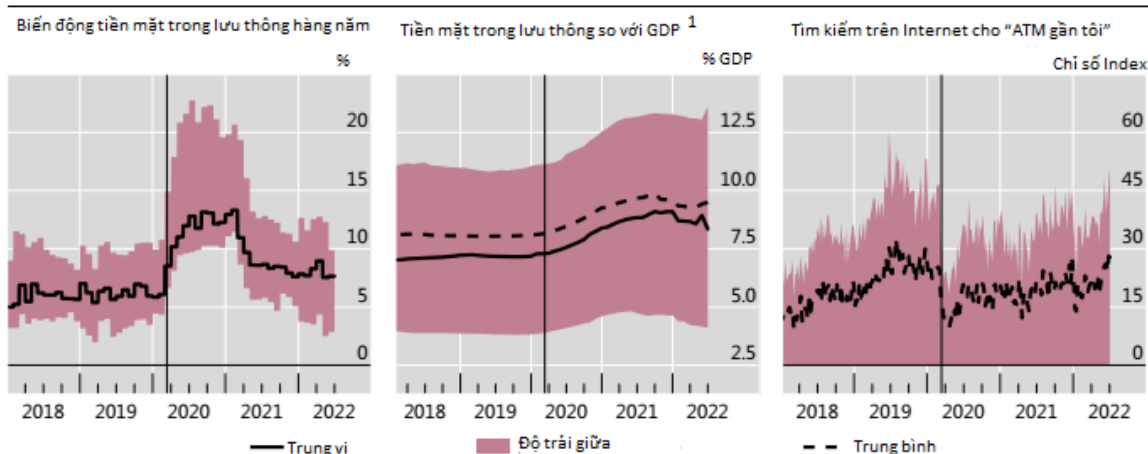
Trong Phụ lục, Bảng A1 đưa ra số liệu thống kê mô tả cho bộ dữ liệu mở rộng của 95 quốc gia từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 6 năm 2022.

3. Xu hướng chung và tính không đồng nhất trong hành vi thanh toán bán lẻ

Dữ liệu cho thấy rõ ràng rằng đại dịch đã có tác động mạnh mẽ đến hành vi thanh toán bán lẻ. Mặc dù không có dữ liệu tần suất cao về việc sử dụng tiền mặt trong các giao dịch, nhưng chúng tôi có thể xác nhận rằng tiền mặt trong lưu thông đã tăng mạnh trong mẫu khảo sát, với tốc độ tăng trưởng trung bình 10% hàng năm vào quý 2 năm 2020 (Biểu đồ 3, bảng bên trái). Phạm vi giữa các vùng thực sự bị thu hẹp trong bốn tháng đầu tiên, so với giai đoạn trước đại dịch, cho thấy mức độ gia tăng ở nhiều nền kinh tế trong mẫu là tương tự nhau; từ tháng 7/ 2020 trở đi, nó mở rộng ra khi xu hướng ở các quốc gia rất khác nhau. Vào cuối năm 2021, tỷ lệ trung bình của tiền mặt trong lưu thông so với GDP đạt 8% trong toàn bộ mẫu của chúng tôi, nhưng đã giảm nhẹ vào năm 2022 (bảng ở giữa). Trong khi đó, các tìm kiếm trên internet cho cụm từ “ATM gần tôi” - phổ biến đối với người dùng rút tiền mặt, đặc biệt là ở những địa điểm xa lạ - đã giảm xuống một cách dễ hiểu, với mức độ phân tán lớn hơn theo thời gian (bảng bên phải; xem thêm Garratt và cộng sự (2020)). Đến cuối mẫu, số lượt tìm kiếm này đã tăng trở lại.

Tiền mặt trong lưu thông tăng mạnh, trong khi lượt tìm kiếm máy ATM giảm

Hình 3



Các đường thẳng đứng màu đen biểu thị ngày 11 tháng 3 năm 2020, khi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tuyên bố đợt bùng phát dịch Covid-19 là "tình trạng khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng gây quan ngại quốc tế". Mẫu bao gồm tối đa 95 quốc gia.

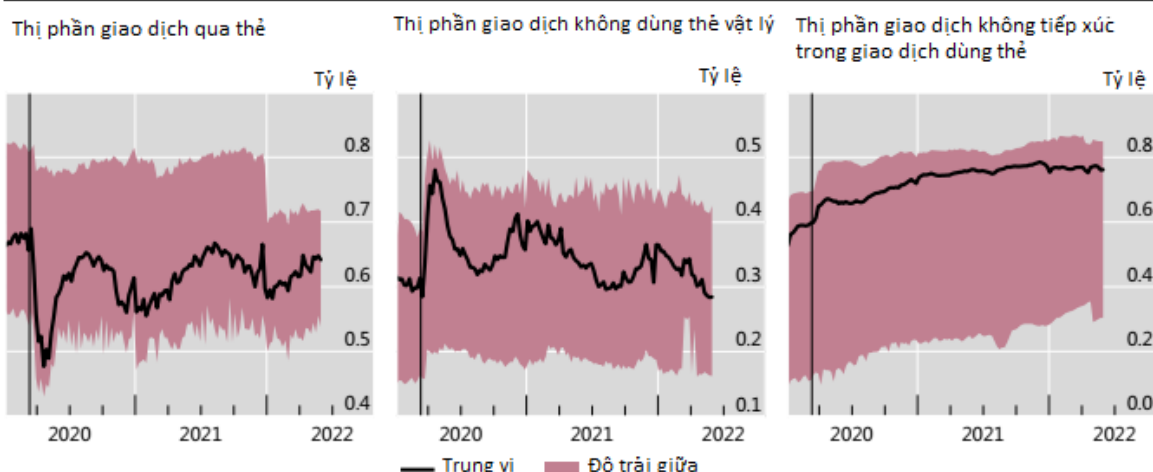
¹ Đường trung bình động 12 tháng của tỷ lệ tiền mặt lưu thông trên GDP

Nguồn: IMF, Triển vọng Kinh tế Thế giới; Dòng dữ liệu; Xu hướng Google; Dữ liệu quốc gia; tính toán của tác giả.

Những thay đổi trong thanh toán bằng thẻ xuất hiện trên diện rộng. Đối với các nước ở phân vị thứ 75, tỷ lệ sử dụng thẻ chỉ giảm nhẹ từ giữa tháng 3 đến giữa tháng 4/2020, cho thấy xu hướng nhìn chung không đổi so với giai đoạn trước đại dịch. Đối với các nước đạt trung vị, tỷ lệ này giảm khoảng 20 điểm phần trăm, từ 75% giao dịch ngày 11/3/2020 xuống còn 54% ở mức thấp nhất ngày 13/4/2020, trước khi phục hồi (Biểu đồ 4, bảng bên trái). Các giao dịch không xuất trình thẻ của nước nằm ở trung vị đã tăng 18 điểm phần trăm trong giai đoạn cao trào của đại dịch, nhưng lại giảm vào cuối mẫu (bảng trung tâm). Ở phân vị thứ 75, số liệu (giao dịch không xuất trình thẻ) tương tự đã tăng 15 điểm phần trăm, trong khi ở phân vị thứ 25, số liệu (giao dịch không xuất trình thẻ) hầu như không thay đổi. Tỷ lệ giao dịch không tiếp xúc đã tăng ở nhiều quốc gia và vẫn cao hơn về mặt tỷ lệ, tiếp tục cho thấy sự phân tán rộng trong giai đoạn kiểm tra (bảng bên phải).

Thanh toán thẻ chuyển sang thanh toán từ xa và không tiếp xúc¹

Hình 4



Các đường thẳng đứng màu đen biểu thị ngày 11 tháng 3 năm 2020, khi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tuyên bố đợt bùng phát dịch Covid-19 là "tình trạng khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng gây quan ngại quốc tế". Mẫu bao gồm AR, AU, BR, CA, CH, DE, ES, GB, HK, IN, IT, JP, NL, RU, SE, SG, US, ZA.

¹ Dựa trên số lượng giao dịch.

Nguồn: Mạng lưới thẻ toàn cầu; tính toán của tác giả.

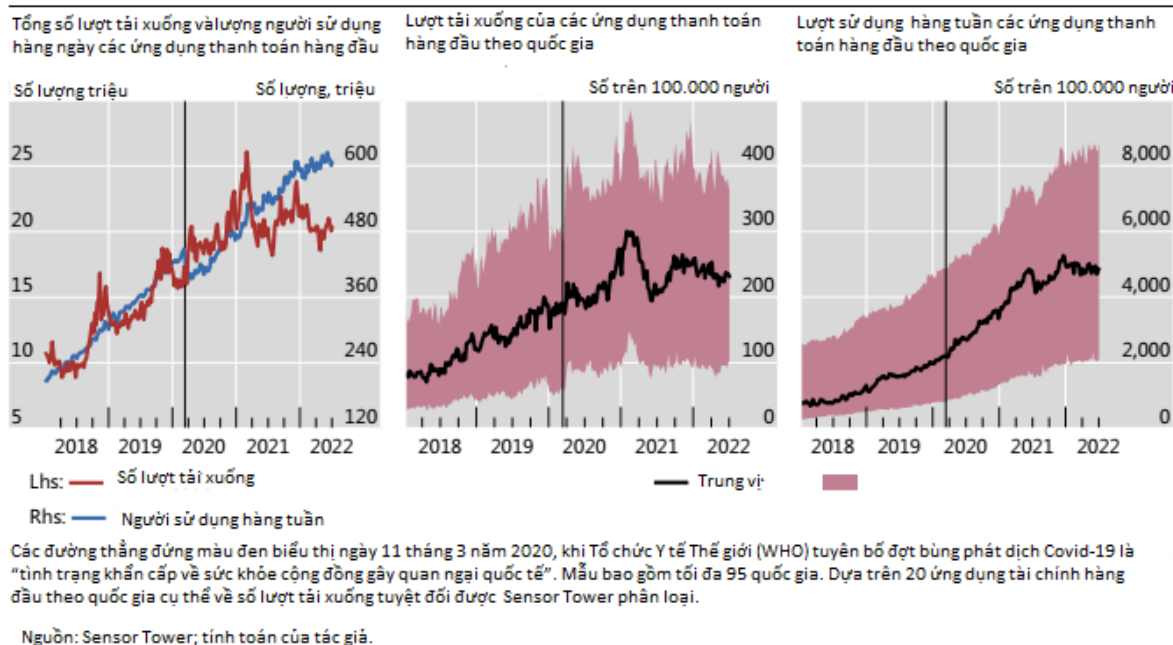
Việc sử dụng các ứng dụng thanh toán đã có sự tăng nhanh trong đại dịch và tiếp tục tăng cao hơn so với trước đại dịch. Số lượt tải xuống của các ứng dụng thanh toán lớn nhất và ước tính mức sử dụng thực tế đã tăng ở cấp độ toàn cầu (Biểu đồ 5, bảng bên trái). Lượt tải xuống đã tăng ngay cả trước khi xảy ra đại dịch và có xu hướng cao hơn vào tháng 11 trước các ngày lễ ở nhiều quốc gia và các sự kiện mua sắm như Ngày Độc thân ở Trung Quốc. Tuy nhiên,

trong năm 2020 và 2021, lượt tải xuống còn cao hơn nữa vào tháng 1 đến tháng 3, do các ca nhiễm Covid toàn cầu gia tăng và nhiều hộ gia đình phải ở trong nhà. Vào tháng 11/2021, khi đại dịch Covid gia tăng ở Ấn Độ, lượng sử dụng hàng tuần đã tăng lên, tác động đáng kể đến tổng số lượng sử dụng toàn cầu. Trong các quốc gia, số lượt tải xuống đã tăng đáng kể trong những tháng đầu tiên xảy ra đại dịch và một lần nữa vào đầu và cuối năm 2021 (bảng ở giữa). Ước tính số lượng người dùng có giao dịch hàng tuần cho thấy mức tăng trưởng ổn định hơn (bảng bên phải).

Những thay đổi này xảy ra trong bối cảnh một số thay đổi cấu trúc chậm hơn trên khắp thế giới. Đặc biệt, việc sử dụng tiền mặt đã giảm ở nhiều nước (Biểu đồ 6) - cả AE và EME. Tuy nhiên, các chỉ số như sự tồn tại của các tờ tiền mệnh giá nhỏ cho thấy ở nhiều nước, tiền mặt vẫn là một phương tiện thanh toán quan trọng; thật vậy, “tiền mặt vẫn là vua” (Bech và cộng sự, 2018). Thanh toán bằng thẻ tín dụng được dự báo sẽ tăng so với sản lượng toàn cầu (RBR, 2021); các dự báo về mức độ chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng hiện đã được điều chỉnh tăng lên.

Tải xuống ứng dụng thanh toán và xu hướng gia tăng

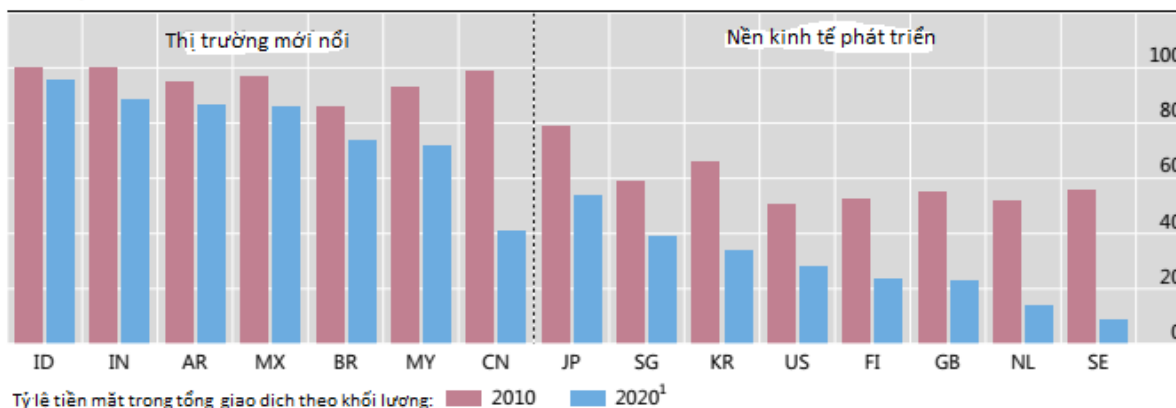
Hình 5



Việc sử dụng tiền mặt đã giảm trước đại dịch

Đơn vị %

Hình 6



¹ Được ước tính

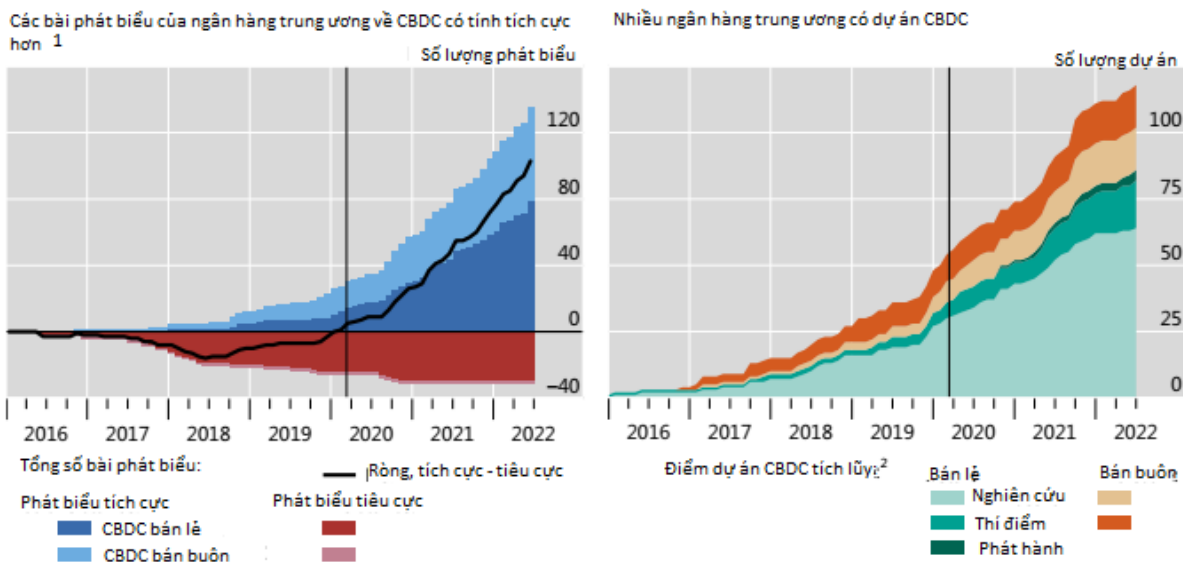
Nguồn: McKinsey (2020): Báo cáo thanh toán toàn cầu, tháng 10.

Một sự thay đổi đặc biệt đáng chú ý trong thời kỳ đại dịch là sự quan tâm và thử nghiệm ngày càng tăng đối với CBDC. Đây có thể là một dạng tiền tệ mới, thứ ba của ngân hàng trung ương, bên cạnh tiền mặt và dự trữ ngân hàng trung ương dành cho các ngân hàng thương mại. CBDC đang được kiểm tra về khả năng giảm chi phí thanh toán, tăng cường tài chính toàn diện, bảo vệ quyền riêng tư và thúc đẩy đổi mới sáng tạo (Auer, Frost, Lee, Martin và Narula (2021)). Nghiên cứu về CBDC đã được tiến hành trong vài năm, nhưng tăng tốc vào năm 2020 (Auer và cộng sự (2020c)). Vào tháng 4/2020, NHTW Trung Quốc (PBC) đã triển khai thí điểm đồng nhân dân tệ điện tử của Trung Quốc (e-CNY) tại các thành phố Thâm Quyển, Tô Châu, Thành Đô, Hùng An và “Khu văn phòng Thế vận hội Mùa đông 2022” ở Bắc Kinh. Vào tháng 10/2020, Ngân hàng Trung ương Bahamas đã ra mắt Sand Dollar, một phiên bản kỹ thuật số của đồng đô la Bahamas (NHTW Bahamas (2020)). Vào tháng 3/2021, Ngân hàng Trung ương Đông Caribe (ECCB) đã thông báo triển khai DCash ra công chúng và tháng 10/2021, Ngân hàng Trung ương Nigeria (CBN) đã ra mắt e-Naira. Ngân hàng trung ương Jamaica đã thông báo bắt đầu triển khai CBDC, JAM-DEX vào quý đầu tiên của năm 2022. Ngoài những thông báo gây chú ý này, các ngân hàng trung ương trên khắp thế giới đã đưa ra những đánh giá tích cực hơn về tiềm năng của các CBDC bán lẻ trong các bài phát biểu của họ (Biểu đồ 7, bảng bên trái). Công việc nghiên cứu và phát triển CBDC đã bắt đầu được triển khai mạnh mẽ hơn, với hơn 60 dự án CBDC được công bố công khai vào

tháng 3/2021 (bảng bên phải). Trong khi đó, 90% trong số 81 ngân hàng trung ương trả lời trong một cuộc khảo sát cho biết họ hiện đang nghiên cứu CBDC (Kosse và Mattei (2022)).

Công việc nghiên cứu CBDC đã tăng tốc trong đại dịch Covid-19

Hình 7



Các đường thẳng đứng màu đen biểu thị ngày 11 tháng 3 năm 2020, khi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tuyên bố đợt bùng phát dịch Covid-19 là "tình trạng khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng gây quan ngại quốc tế"

¹ Tìm kiếm từ khóa "CBDC", "tiền kỹ thuật số" và "tiền kỹ thuật số". Việc phân loại dựa trên phán đoán của tác giả. Điểm số nhận giá trị -1 nếu lập trường bài phát biểu rõ ràng là tiêu cực hoặc trong trường hợp người ta nói rõ ràng rằng hiện tại không có kế hoạch cụ thể nào để phát hành tiền kỹ thuật số. Nó nhận giá trị +1 nếu lập trường bài phát biểu rõ ràng là tích cực hoặc một dự án/thí điểm đã được triển khai hoặc đang trong quá trình triển khai. Các bài phát biểu khác (không hiển thị) đã được phân loại là trung lập.

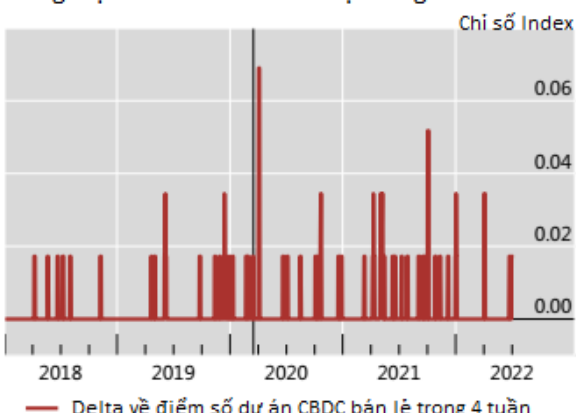
² Dựa trên các báo cáo được truyền đạt công khai. Tổng số điểm tích lũy trong mỗi nhóm. Điểm có thể nhận giá trị 0 khi không có dự án nào được công bố, 1 trong trường hợp nghiên cứu, 2 trong trường hợp thí điểm đang diễn ra hoặc đã hoàn thành và 3 cho phát hành CBDC để biết thêm thông tin, xem Auervà cộng sự (2020c).

Đáng chú ý, một số dự án CBDC của ngân hàng trung ương đã được công bố rất gần với thời gian ban hành Lệnh đóng cửa vào tháng 3/2020 (Biểu đồ 8, bảng trái). Mặc dù ở nhiều nước vẫn còn quá sớm để có thể biết việc phát hành có được xem xét thông qua hay không nhưng mối quan tâm của công chúng đến chủ đề này vẫn ở mức cao (bảng bên phải).

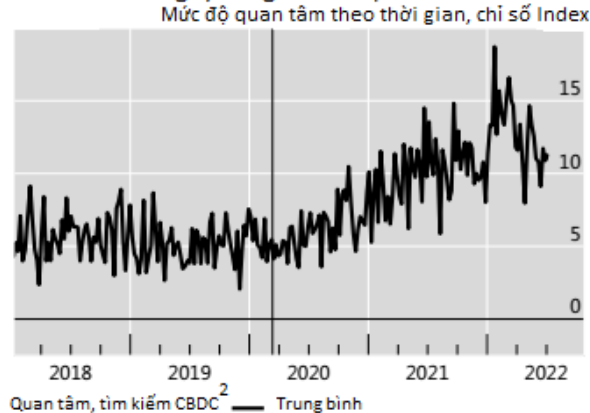
Các ngân hàng trung ương đã nâng cấp công việc nghiên cứu về CBDC

Hình 8

Công việc về CBDC bán lẻ được tăng tốc...



...và chủ đề ngày càng trở nên phổ biến



Các đường thẳng đứng màu đen biểu thị ngày 11 tháng 3 năm 2020, khi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tuyên bố đợt bùng phát dịch Covid-19 là "tình trạng khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng gây quan ngại quốc tế".

1 Mẫu bao gồm 54 quốc gia.

2 Trung bình về lượng quan tâm, tìm kiếm trên Google Trends cho từ khóa "CBDC" và chủ đề "Tiền kỹ thuật số của Ngân hàng Trung ương". Mẫu bao gồm tối đa 95 quốc gia.

Nguồn: Auer và cộng sự (2020c); trends.google.com; tính toán của tác giả.

4. Phân tích thực nghiệm

Cách tiếp cận phân tích thực nghiệm của chúng tôi như sau. Chúng tôi hồi quy một loạt các chỉ số về hành vi thanh toán bán lẻ (tiền mặt trong lưu thông, thanh toán không tiếp xúc và không xuất trình thẻ, quan tâm tìm kiếm, sử dụng ứng dụng thanh toán) so với các thước đo về cường độ của đại dịch Covid-19 và một số biện pháp kiểm soát. Để đảm bảo khả năng so sánh, chúng tôi giới hạn hồi quy ở 18 nước mà chúng tôi có tất cả các chỉ số, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2020. Các ước tính cơ bản có dạng:

$$Y_{i,t-1} = \alpha_i + \alpha_t + \beta X_{i,t-1} + \varepsilon_{i,t} \quad (1)$$

trong đó biến phụ thuộc $Y_{i,t}$ là: (i) thay đổi trong 4 tuần so với thay đổi hàng năm của tiền mặt trong lưu thông, (ii) tỷ lệ giao dịch không xuất trình thẻ trong tổng giao dịch vòng sử dụng thẻ hoặc (iii) lượt tải xuống trong số các ứng dụng thanh toán hàng đầu so với tổng dân số. Các biến độc lập trong vector X , là những thay đổi trong 4 tuần trong: Stringency $_{i,t-1}$, một chỉ số về mức độ nghiêm ngặt của biện pháp ngăn chặn Covid-19 (Hale và cộng sự (2020)), Mobility $_{i,t-1}$,

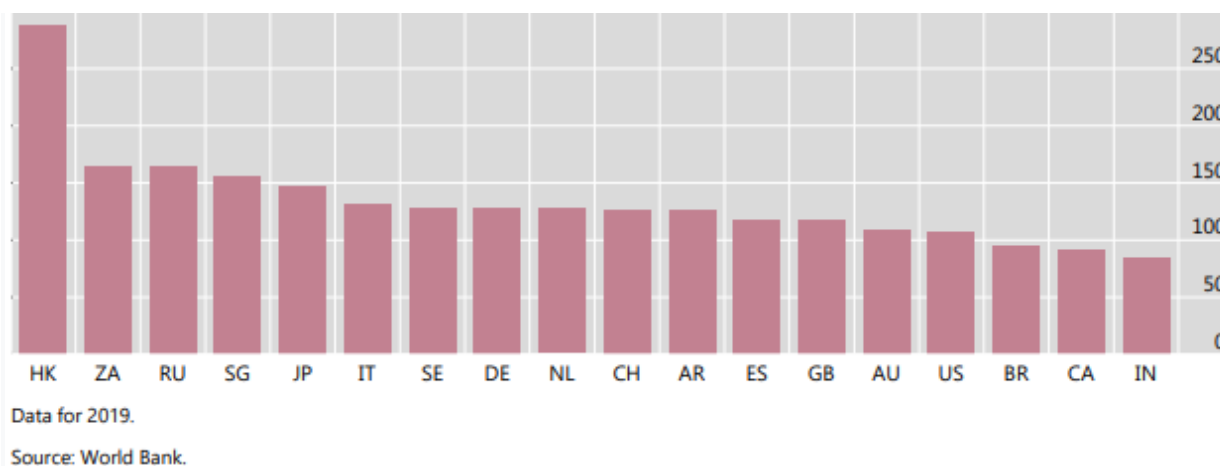
chỉ số di động của Google và ca bệnh mới $cases_{i,t-1}$, số ca bệnh mới trên 100.000 dân số.⁷ Chúng tôi cũng đo lường các ước tính tương tác dưới dạng:

$$Y_{i,t-1} = \alpha_i + \alpha_t + \beta X_{i,t-1} + \gamma Mobile_{i,0} X_{i,t-1} + \varepsilon_{i,t} \quad (2)$$

Trong đó biến $Mobile_{i,0}$ thể hiện mức sử dụng điện thoại di động trên 100 người trưởng thành trước đại dịch – đây là chỉ số đo lường việc ứng dụng kỹ thuật số⁸. Hình 9 cho thấy sự phân bố xuyên quốc gia của biến số này.

Hình 9: Số lượng điện thoại di động trên 100 người dân ở các nước – Số liệu năm 2019

Nguồn: Ngân hàng thế giới



Bảng 2 cho thấy kết quả qua sát đối với tiền mặt trong lưu thông⁹. Cột 1 cho biết rằng các biện pháp cách ly chặt chẽ có mối liên quan đến lượng tiền mặt tăng cao hơn trong lưu thông trong mẫu khảo sát. Sự gia tăng độ lệch một tiêu chuẩn trong chỉ số nghiêm ngặt tương ứng với tăng tiền mặt trong lưu thông 0,8 điểm phần trăm. Cụm tương tác trong cột 2 cho thấy không có sự khác biệt

⁷ Thống kê mô tả và tương quan theo cặp được đưa ra trong Bảng A1 và A2 trong phần phụ lục.

⁸ Theo định nghĩa ISO, tuần đầu tiên của năm 2020 bao gồm khoảng thời gian 30 tháng 12 năm 2019 – 5 tháng 1 năm 2020. Tuần này thường bị loại khỏi phân tích.

⁹ Lượng tiền tệ trong lưu thông có thể bị ảnh hưởng bởi cả thói quen tích trữ tiền mặt và thói quen thanh toán bán lẻ. Người ta có thể kiểm tra việc sử dụng tiền mệnh giá lớn và nhỏ vì các tờ tiền lớn hơn thường được tích trữ trong khi tiền giấy và tiền xu nhỏ hơn thường được sử dụng cho các giao dịch thanh toán. Kosse và Szemere (2021) chứng minh rằng các tờ tiền mệnh giá lớn có mức tăng trưởng cao hơn trong năm 2020, gợi ý rằng động cơ tích trữ có thể có tác dụng trong một số phát hiện trong phần này. Tuy vậy, dữ liệu có tần suất xuất hiện cao mà chúng tôi sử dụng để phân tích không cho phép chia tiền tệ theo mệnh giá.

đáng kể đối với các nền kinh tế có số lượng sở hữu điện thoại di động cao hơn. Kết quả vẫn tương tự như vậy khi hạn chế di chuyển - một thước đo mức độ đại dịch (cột 3 và 4), mặc dù ở đây, mối quan hệ giữa sự hạn chế di chuyển và tiền mặt trong thông bị suy giảm khi số lượng sở hữu sở hữu điện thoại di động cao hơn. Kết quả thu được cũng tương tự khi quan sát các trường hợp mắc mới – chỉ số đo lường cường độ đại dịch (cột 5 và 6), nhưng cụm tương tác trong trường hợp này không có ý nghĩa thống kê. Kết quả đo lường cường độ của đại dịch từ các nghiên cứu khác nhau cho thấy các biện pháp cách ly nghiêm ngặt và số trường hợp mắc mới là các yếu tố quan trọng (cột 7)¹⁰.

Ước tính lượng tiền mặt trong lưu thông¹

Bảng 2	Đo lường lượng tiền mặt trong lưu thông ²						
	(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vii)	(viii)
Thay đổi của các chỉ số trong 4 tuần							
Chỉ số nghiêm ngặt	0,043 ^{**} * (0,007)	0,051 ^{**} * (0,013)					0,040 ^{**} * (0,007)
Chỉ số nghiêm ngặt*điện thoại di động2020 tuần 0		-0,006 (0,008)					
Chỉ số di chuyển Google			-0,033 (0,008)	-0,095 (0,017)			-0,004 (0,007)

¹⁰ Tiền mặt trong lưu thông thể hiện việc nắm giữ tiền mặt. Số lượt tìm kiếm “ATM gần tôi” - một chỉ số thể hiện sự kết nối với việc sử dụng tiền mặt, có giảm sút khi chỉ số nghiêm ngặt hoặc các trường hợp mắc mới tăng cao hơn (xem Bảng A3 trong phần phụ lục). Các kết quả thể hiện sự thay đổi về tiền mặt trong lưu thông trong thời gian 4 tuần đối tiền mặt lưu thông trong bốn tuần (chứ không phải sự thay đổi trong bốn tuần so với cùng kỳ ở năm trước đó) nhìn chung cũng nhất quán (xem bảng A4 trong phần phụ lục).

Di chuyển*Điện thoại di động 2020 tuần 0				0,047** *			
Trường hợp mắc mới trên 100 ngàn dân					0,005** *	-0,012 (0,018)	0,003* (0,002)
Mắc mới*điện thoại di động 2020 tuần 0						0,014 (0,014)	
Không có quan sát	846	846	738	738	918	918	738
R-bình phương	0,334	0,334	0,314	0,323	0,312	0,313	0,338

Sai số bình quân trong tuần được chia thành các nhóm viết trong dấu ngoặc đơn; dấu ***/**/* thể hiện tính trọng yếu về mặt thống kê tại các mức 1/5/10%.

1. Tất cả các biến độc lập đều có độ trễ một tuần. Các hồi quy bao gồm các hiệu ứng được cố định theo thời gian và quốc gia. Cụm tương tác tương ứng với tích của biến độc lập tương ứng và mức độ trước đại dịch (tức là tuần đầu tiên của năm 2020) của số lượng điện thoại di động trên số người trưởng thành.

2 Để giải quyết xu hướng theo mùa, chỉ số đề cập đến sự thay đổi trong bốn tuần trong sự thay đổi hàng năm của tiền mặt trong lưu thông.

Nguồn: Tác giả tự tính toán.

Bảng 3 cho thấy các ước lượng đối với cho các giao dịch không xuất trình thẻ. Khi thực hiện cách ly và hạn chế di chuyển, thương mại điện tử và nhu cầu thanh toán từ xa tăng mạnh. Nói chung, mức độ nghiêm ngặt tăng một độ

lệch chuẩn làm tăng 2,7 điểm phần trăm trong tỷ lệ giao dịch không xuất trình thẻ (cột 1). Điều này ít rõ ràng hơn ở các nước có tỷ lệ sở hữu thiết bị di động ban đầu cao (cột 2). Các kết quả tương tự một lần nữa giữ nguyên khi xem xét sự sụt giảm về tính di động (cột 3) và cụm tương tác là có ý nghĩa (cột 4). Các giao dịch thanh toán không xuất trình thẻ được thực hiện nhiều hơn khi số ca nhiễm mới cao hơn (cột 5), nhưng sự tương tác không phải là trọng yếu (cột 6). Cả ba thước đo cường độ đại dịch đều có ý nghĩa khi được xem xét cùng nhau trong nghiên cứu (cột 7).

Ước tính các giao dịch thanh toán không tiếp xúc¹

Bảng 3	Tỷ lệ thanh toán không tiếp xúc trong các giao dịch thanh toán ²						
Thay đổi trong 4 tuần	(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)	(viii)
Chỉ số nghiêm ngặt	0,137 ^{**} * (0,014)	0,253 ^{**} * (0,033)					0,035 [*]
Chỉ số nghiêm ngặt*điện thoại di động 2020 tuần 0		-0,84 (0,023)					
Chỉ số di chuyển Google			-0,023 4 (0,017)	-0,364 (0,045)			-0,202 ^{**} * (0,022)
Di chuyển*Điện thoại di động 2020 tuần 0				0,099 ^{**} * (0,029)			

Trường hợp mắc mới trên 100 ngàn dân					0,017** * (0,003)	-0,011 (0,025)	0,007** * (0,002)
Trường hợp mắc mới*điện thoại di động 2020 tuần 0						0,023 (0,020)	
Không có quan sát	846	846	738	738	918	918	738
R-bình phương	0,560	0,576	0,691	0,703	0,501	0,501	0,703

Sai số bình quân trong tuần được chia thành các nhóm viết trong dấu ngoặc đơn; dấu ***/**/* thể hiện tính trọng yếu về mặt thống kê tại các mức 1/5/10%.

1. Tất cả các biến độc lập đều có độ trễ một tuần. Các hồi quy bao gồm các hiệu ứng được cố định theo thời gian và quốc gia. Cụm tương tác tương ứng với tích của biến độc lập tương ứng và mức độ trước đại dịch (tức là tuần đầu tiên của năm 2020) của số lượng điện thoại di động trên số người trưởng thành.

2. Thay đổi trong bốn tuần về tỷ lệ giao dịch không xuất trình thẻ dựa trên số lượng giao dịch

Nguồn: Tác giả tự tính toán

Đại dịch đã ảnh hưởng thế nào tới việc sử dụng các ứng dụng thanh toán? Sử dụng số liệu về lượt tải ứng dụng thanh toán được làm biến phụ thuộc (Bảng 4), nhóm nghiên cứu nhận thấy mối quan hệ rõ ràng và có ý nghĩa thống kê giữa sự phong tỏa nghiêm ngặt và lượt tải ứng dụng của người dùng (cột 1)¹¹. Cú sốc về một độ lệch tiêu chuẩn về nghiêm ngặt của lệnh phong tỏa tương ứng với 12 lượt tải ứng dụng trên 100.000 người dân trong tuần tiếp theo (khoảng 0,14 độ lệch chuẩn của biến phụ thuộc). Chỉ số này là thấp hơn ở các nước có

¹¹ Điều này nhìn chung phù hợp với bằng chứng của 74 quốc gia từ Fu và Mishra (2020)

mức sở hữu điện thoại di động ban đầu cao (cột 2). Lướt tải xuống tăng lên khi tính di động giảm (cột 3), nhưng mức tăng là ít hơn ở các quốc gia sử dụng thiết bị di động cao (cột 4). Lướt tải xuống ứng dụng thanh toán cũng cao hơn khi các trường hợp mắc mới tăng thêm (cột 5), nhưng mức tăng này là ít hơn ở những nơi có tỷ lệ sở hữu thiết bị di động cao (cột 6). Khi gộp các chỉ tiêu lại với nhau, không chỉ tiêu nào có ý nghĩa thống kê trong việc giải thích những thay đổi tổng thể về số lướt tải xuống ứng dụng thanh toán (cột 7).¹²

Ước tính về lướt tải ứng dụng thanh toán trên 100,000 người dân¹

Bảng 4	Số lượng tải ứng dụng thanh toán trên 100.000 người dân ¹²						
	(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)	(viii)
Thay đổi trong 4 tuần							
Chỉ số nghiêm ngặt	0,431* (0,228)	3,128*** (0,615)					0,0360 (0,267)
Tính nghiêm ngặt*điện thoại di động2020 tuần 0		- 1,955*** (0,391)					
Chỉ số di chuyển Google			- 0,756** (0,318)	- 3,364*** (0,598)			-0,479 (0,359)
Di chuyển*Điện thoại di động				1,967*** (0,429)			

¹² Các phát hiện tương tự cũng đúng khi xem xét lướt tải xuống của các ứng dụng tài chính phổ biến hơn (Bảng A5)

2020 tuần 0							
Trường hợp mắc mới trên 100 ngàn dân					0,083 ^{***} (0,024)	1,275 ^{**} (0,477)	0,041 (0,026)
Mắc mới*điện thoại di động 2020 tuần 0						-0,942 (0,377)	
Không có quan sát	846	846	738	738	918	918	738
R-bình phương ¹³	0,111	0,150	0,120	0,143	0,111	0,118	0,123
<p>Sai số bình quân trong tuần được chia thành các nhóm viết trong dấu ngoặc đơn; dấu ***/**/* thể hiện tính trọng yếu về mặt thống kê tại các mức 1/5/10%.</p> <p>1. Tất cả các biến độc lập đều có độ trễ một tuần. Các hồi quy bao gồm các hiệu ứng được cố định theo thời gian và quốc gia. Cụm tương tác tương ứng với tích của biến độc lập tương ứng và mức độ trước đại dịch (tức là tuần đầu tiên của năm 2020) của số lượng điện thoại di động trên số người trưởng thành.</p> <p>2. Thay đổi trong 4 tuần về số lượng tải ứng dụng thanh toán (25 ứng dụng tài chính điển hình được Sensor Tower chia nhóm) tính trên 100.000 người dân. Loại bỏ biến giá trị bất thường ở phần trăm thứ 2,5 và 97,5.</p>							

5. Sự tăng tốc và tính không đồng nhất của thanh toán số

Trên toàn cầu, đại dịch Covid-19 đã khiến hành vi thanh toán bán lẻ có nhiều thay đổi bất ngờ. Chúng tôi tập hợp được một cơ sở dữ liệu “Tương lai của các loại hình thanh toán” và sử dụng nó để phân tích các kiểu hành vi trong thanh toán bán lẻ trong và sau đại dịch.

¹³ Một thước đo sự phù hợp của mô hình tuyến tính thường dùng là hệ số xác định R bình phương (R Square).

Nghiên cứu của chúng tôi đã cho thấy đại dịch có mối liên hệ khá rõ với những thay đổi trong hành vi thanh toán, chỉ một số trong các thay đổi đó là tồn tại lâu dài. Tiền mặt trong lưu thông, thanh toán không xuất trình thẻ và số lượt tải ứng dụng thanh toán đều tăng đột biến trong giai đoạn đầu của đại dịch. Chúng tôi nhận thấy trong thời gian khi đại dịch căng thẳng hơn (tức là trong thời gian phong tỏa nghiêm ngặt, cấm di chuyển và khi số ca mới cao hơn), khối lượng tiền mặt lưu thông, thanh toán từ xa (thanh toán không xuất trình thẻ) và lượt tải xuống ứng dụng thanh toán tăng mạnh. Thứ hai, chúng tôi chứng minh những thay đổi được đề cập trong nghiên cứu là không đồng nhất giữa các nước. Ở các nước có mức sử dụng thiết bị di động cao hơn từ trước đại dịch (đo lường bằng số thuê bao điện thoại di động trên mỗi người dân) thì có ít thay đổi trong giai đoạn đại dịch bùng phát mạnh. Đáng chú ý, các dữ liệu gần đây cho thấy một số tác động không kéo dài qua giai đoạn cấp tính của đại dịch. Ví dụ: giao dịch thanh toán không xuất trình thẻ giảm khi kết thúc phong tỏa, thậm chí ở một số nước còn giảm xuống thấp hơn mức trước khi có đại dịch, trong khi các tỷ lệ giao dịch không tiếp xúc thường ở mức cao hơn so với thời điểm trước đại dịch.

Phát hiện của chúng tôi là rất quan trọng khi so với các xu hướng đương thời xảy ra trong các cuộc tranh luận chính sách trên toàn cầu. Ở nhiều nước, vấn đề chính là sự khác biệt trong tiếp cận các công cụ thanh toán, nhất là các khoảng cách trong việc tiếp cận dịch vụ thanh toán số của người già và người chưa có tài khoản ngân hàng. Bất kỳ sự thay đổi nào liên quan tới tiền mặt đều có những tác động không thể lường trước. Nếu tiền mặt không được chấp nhận rộng rãi như một hình thức thanh toán, nó có thể tạo ra “sự phân biệt thanh toán” giữa những người có quyền truy cập vào thanh toán kỹ thuật số và những người không (có quyền truy cập). Điều này, đến lượt nó, có thể có tác động đặc biệt tiêu cực đến các khách hàng lớn tuổi và không có tài khoản ngân hàng. Tiếp cận với phương thức thanh toán mới hiện vẫn chưa phổ cập tại nhiều thị trường mới nổi và các nước đang phát triển, nơi các nhà chức trách đã yêu cầu người dân và doanh nghiệp sử dụng phương thức thanh toán số nhiều hơn. Đây có thể là nội dung có nhiều tranh cãi trong tương lai, kêu gọi các nước xác định vai trò mạnh mẽ hơn của tiền tệ vật chất và thúc đẩy giao dịch trực tuyến, tức là áp dụng CBDC bán lẻ. Tuy nhiên, một phát hiện quan trọng cho thấy tác động của phong tỏa và đại dịch - phần nào có tác động ngược chiều nhau - gợi ý rằng các

hành vi bán lẻ có sự thay đổi chậm hơn so với dự kiến của một số người, và tiền mặt có thể vẫn tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong tương lai.

Điều này nhấn mạnh hai yếu tố, bao gồm cả sự tiến bộ và các thách thức trong hệ thống thanh toán bán lẻ toàn cầu (BIS,2020) trong các thập kỷ qua và cần phải có các sáng kiến toàn cầu để thúc đẩy thanh toán kỹ thuật số tại tất cả các nước. Sự đột ngột chuyển sang thanh toán thẻ đã cho thấy rõ ràng là không phải tất cả người tiêu dùng đều có thể tiếp cận được thẻ thanh toán, tài khoản ngân hàng và ví kỹ thuật số¹⁴. Và bản thân đại dịch đã cho chúng ta câu trả lời về việc liệu các phương thức thanh toán kỹ thuật số hiện nay có thể giúp giảm thiểu tác động của khủng hoảng như thế nào. Khi chính phủ ở nhiều nước chi trả các khoản hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình hoặc người lao động phi chính thức thì khoảng cách trong việc tiếp cận dịch vụ thanh toán đã cản trở hiệu quả của các phản ứng chính sách công (Auer et al (2020b)). Ví dụ, tại Hoa Kỳ, chính phủ dựa vào séc và thẻ trả trước để tiếp cận những người không có tài khoản ngân hàng. Ở Trung Quốc và nhiều nước mới nổi khác, chính phủ có thể thực hiện chuyển tiền ngay lập tức sang ví kỹ thuật số.

Tiếp cận các dịch vụ thanh toán một cách nhất quán có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tính bình đẳng và phát triển bền vững và là tiền đề cho sự hội nhập quốc về mức sống tiêu chuẩn. Mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể về mục tiêu tài chính toàn diện, một bộ phận người dân vẫn tiếp tục bị loại trừ trong việc tiếp cận thanh toán kỹ thuật số. Người dân và doanh nghiệp bị loại trừ tài chính phải dựa vào nền kinh tế phi chính thức, cản trở sự phát triển toàn diện. Trong thời điểm hiện tại, những nỗ lực phát triển toàn cầu đang tập trung vào hoạt động thanh toán xuyên biên giới, một lộ trình mang tính toàn cầu đang được thực thi để giảm chi phí thanh toán, cải thiện tốc độ thanh toán, tăng cường tính minh bạch, tăng cường sự tiếp cận đối với hoạt động thanh toán

¹⁴ Một xu hướng đáng lo ngại khác là sức mạnh của thị trường cổ thủ, dẫn đến phí thanh toán cao, mặc dù đã giảm giá thành của thiết bị truyền thông và băng thông, nhưng chi phí thông thường của dịch vụ thanh toán kỹ thuật số, chẳng hạn như thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ, vẫn ở mức cao ở nhiều nền kinh tế. Trong khi thanh toán thẻ có thêm dịch vụ bổ sung (chẳng hạn như bảo hiểm hoặc chống gian lận). Các chi phí được tính cho phía người bán và không hiển thị trực tiếp ở phía người tiêu dùng, nhưng cuối cùng vẫn là người tiêu dùng phải gánh chịu. Trong tương lai, còn có một mối quan ngại khác đó là khi các công ty công nghệ và fintech tham gia thị trường thanh toán, các công ty này truy cập vào dữ liệu người dùng thông qua nền tảng số liên kết ngành nghề kinh doanh, điều này có thể giúp họ đạt được vị trí thống lĩnh, dẫn đến mức phí thậm chí còn cao hơn so với các công ty thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ tính phí hiện nay. Phí thương gia cao tới 4% đã được một số công ty big tech và fintech áp dụng (xem ví dụ: Reuters, 2021)

xuyên biên giới¹⁵. Quá trình này cần được bổ sung các sáng kiến nhằm cải thiện thanh toán trong nước (CPMI 2020b).

[Trở lại đầu trang](#)

¹⁵ xem CPMI (2020a), CPMI và cộng sự (2021) và Auer, Boar, Cornelli, Frost, Holden và Wehrli (2021)

ĐỀ TÀI KHOA HỌC THÁNG 1 - 2023**1. Dự án: Ứng dụng học máy (Machine Learning) vào xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tin dụng tại Việt Nam.**

Chủ nhiệm: ThS. Phan Huy Thắng, Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tin dụng quốc gia Việt Nam, NHNN

Mã số: DANH.001/21

Thời gian nghiệm thu: 1/2023

Kết quả nghiệm thu: Khá

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Cơ sở lý luận về ứng dụng Học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tin dụng.

- Thực trạng ứng dụng Học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tin dụng tại Việt Nam.

- Giải pháp ứng dụng Học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tin dụng tại Việt Nam..

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới để xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tin dụng (TTTT), rút ngắn thời gian xử lý dữ liệu, hạn chế ảnh hưởng của con người trong việc ra quyết định cũng như cho phép khả năng nâng cấp, cải tiến giải pháp thường xuyên hơn trong hoạt động TTTD, dự án DANH.001/21 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể như sau:

Chương 1 nghiên cứu các vấn đề cơ sở lý luận cho việc ứng dụng học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động TTTD như (i) Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu và quy trình tổng quát xử lý dữ liệu trong hoạt động TTTD; (ii) Khái niệm, phương pháp, các thuật toán, ứng dụng học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động TTTD, các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động TTTD cũng như các tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của việc ứng dụng. Chương 1 cũng nghiên cứu kinh

nghiệm ứng dụng học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động TTTD tại một số quốc gia trên thế giới trong các khâu chấm điểm tín dụng, phát hiện gian lận hoặc các bất thường hay trong xây dựng chính sách phát triển trí tuệ nhân tạo. Qua đó nhóm nghiên cứu rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Chương 2 đánh giá thực trạng xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tín dụng, thực trạng ứng dụng Học máy trong ngành ngân hàng và khả năng ứng dụng Học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tín dụng tại Việt Nam. Từ đó, nhóm nghiên cứu chỉ ra một số mặt tích cực và hạn chế trong ứng dụng Học máy trong hoạt động xử lý dữ liệu, cụ thể:

(i) Về mặt tích cực, CIC đã chủ động triển khai các Dự án hiện đại hóa CNTT, ứng dụng nền tảng CNTT hiện đại trong các hoạt động nghiệp vụ, xây dựng các quy trình xử lý dữ liệu các thông tin định danh khách hàng. Đến nay, việc xây dựng CSDL trên nền tảng công nghệ hiện đại đã căn bản thay thế phương pháp thủ công. CIC đã trở thành một ngân hàng TTTD phủ sóng toàn ngành dựa trên nguyên lý chia sẻ thông tin, thiết kế thành những dòng sản phẩm mang tin về tư cách khách hàng vay theo nhu cầu đa dạng, chính xác, kịp thời không chỉ cung cấp cho các đơn vị trong ngành mà còn cung cấp cả cho các đơn vị ngoài ngành và cơ quan an ninh quốc gia... Các TCTD cũng triển khai ứng dụng công nghệ cao vào một số công đoạn chính trong quy trình hoạt động nghiệp vụ ngân hàng, vì vậy chất lượng thông tin báo cáo cho CIC cũng không ngừng được tăng lên.

(ii) Về mặt hạn chế: Quá trình triển khai các dự án hiện đại hóa CNTT vẫn gặp phải một số vấn đề về môi trường pháp lý; hạ tầng cơ sở CNTT; nguồn nhân lực; nguồn dữ liệu cũng như tính đồng bộ quy trình của các TCTD và tổ chức hoạt động TTTD. Trong đó, vấn đề nhân lực và cơ sở pháp lý là các vấn đề nổi trội.

Trong chương 3, nhóm tác giả đề xuất mục tiêu tổng quát của các giải pháp ứng dụng Học máy vào xử lý dữ liệu trong hoạt động TTTD tại Việt Nam là nhằm nâng cao hiệu quả xử lý dữ liệu trong hoạt động TTTD, tạo điều kiện phát triển, cải tiến sản phẩm, dịch vụ TTTD hiện đại phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, của các chủ thể hoạt động trong ngành TC-NH. Để đáp ứng mục tiêu này, nhóm tác giả đưa ra đề xuất

một số giải pháp về xây dựng hệ thống văn bản QPPL liên quan đến ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng cơ chế tạo điều kiện thúc đẩy ứng dụng Học máy trong hoạt động TTTD; Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về ứng dụng Học máy, phân tích dữ liệu; Mở rộng CSDL phù hợp với chiến lược phát triển, nhu cầu ứng dụng Học máy trong tương lai... Nhóm nghiên cứu cũng qua xây dựng hệ thống thử nghiệm xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tin dụng có ứng dụng Học máy tại CIC thông qua bài toán tìm kiếm, xác định tài sản đảm bảo là xe ô tô được thu thập từ các TCTD. Kết quả thử nghiệm của nhóm nghiên cứu cho thấy việc ứng dụng học máy để giải quyết bài toán nghiệp vụ này là khả thi. Qua đó, nhóm nghiên cứu đã đề xuất triển khai ứng dụng Học máy vào xử lý dữ liệu TTTD qua hai hướng:

- Mở rộng bài toán trích xuất dữ liệu đối với các loại TTTD khác như: Mô tả tài sản đảm bảo là bất động sản, Địa chỉ khách hàng vay, ... từ đó chuẩn hóa các TTTD thu thập được, sử dụng được với nhiều mục tiêu khác nhau như: Phân nhóm khách hàng theo địa chỉ; Chuẩn hóa thông tin trong các trả lời; ...

- Tăng cường tự động hóa trong việc đánh giá, xem xét các hồ sơ TTTD có nghi ngờ về số liệu: Ứng dụng Học máy làm giảm tỷ lệ hồ sơ cần chuyển cán bộ xử lý xem xét thủ công, từ đó tăng năng suất lao động, hiệu quả làm việc.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, Chương 3 cũng đưa ra một số kiến nghị đối với Chính phủ, NHNN, các tổ chức hoạt động TTTD và các doanh nghiệp CNTT, Fintech.

2. Đề tài: Ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến nền kinh tế và vai trò của chính sách tiền tệ.

Chủ nhiệm: TS. Phạm Thị Tuyết Trinh - Phó Trưởng Khoa Kinh tế quốc tế, Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh.

Mã số: ĐTNH.003/21

Thời gian nghiệm thu: 1/2023

Kết quả nghiệm thu: Khá

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Cơ sở lý thuyết về cú sốc giá dầu, ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến nền kinh tế

và phản ứng của chính sách tiền tệ.

- Các cú sốc giá dầu và kinh tế Việt Nam.

- Ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến các biến số vĩ mô của Việt Nam và phản ứng của chính sách tiền tệ.

- Kết luận của nghiên cứu và các khuyến nghị chính sách trên 3 khía cạnh, điều hành giá xăng dầu, ảnh hưởng của nền kinh tế thực và điều hành CSTT với cú sốc giá dầu thế giới.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu, làm sáng tỏ ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến các biến số vĩ mô của nền kinh tế và phản ứng của CSTT với cú sốc giá dầu, đưa ra những nhận định về sự phù hợp của phản ứng CSTT với cú sốc giá dầu và các hàm ý chính sách cho điều hành tiền tệ ở Việt Nam, đề tài ĐTNH.003/21 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 hệ thống hoá cơ sở lý thuyết về cú sốc giá dầu, ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến nền kinh tế và phản ứng của chính sách tiền tệ, cụ thể gồm: Khái niệm, cách đo lường, ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến sản lượng, giá cả; Các nghiên cứu thực nghiệm về ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến nền kinh tế và phản ứng của chính sách tiền tệ với cú sốc giá dầu. Từ kết quả thực nghiệm, nhóm nghiên cứu cho rằng đến thời điểm hiện nay, các nhà nghiên cứu khá thống nhất về tác động của cú sốc tăng giá dầu đến nền kinh tế nhưng vẫn còn nhiều tranh cãi về vai trò của NHTW như một nhân tố quyết định tác động của cú sốc này. Dù vậy, các nghiên cứu vẫn cho rằng NHTW có thể tác động để làm giảm ảnh hưởng của tác động cú sốc giá dầu, và thông thường, giữa hai mục tiêu chính sách là giá cả và sản lượng, các NHTW có xu hướng lựa chọn ổn định giá cả.

Tại Chương 2, các tác giả phân tích tác động của các cú sốc giá dầu và kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2000-2021; diễn biến giá dầu Việt Nam và giá dầu thế giới; tương quan giá dầu và tăng trưởng, lạm phát Việt Nam; Các động thái của điều hành CSTT Việt Nam trong các cú sốc giá dầu và xem xét mối tương quan giữa cú sốc giá

dầu và hoạt động kinh doanh tiền tệ của NHTM. Kết quả phân tích cho thấy trong giai đoạn nghiên cứu, giá dầu trong nước bám sát giá dầu thế giới, phản ánh cho tình trạng phụ thuộc dầu nhập khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, do có can thiệp của Nhà nước, giá dầu trong nước có diễn biến chậm hơn và mức biến động tăng nhỏ hơn so với giá thế giới. Lạm phát có tương quan cùng chiều với các cú sốc giá dầu trong khi mối quan hệ giữa các cú sốc giá dầu với tăng trưởng lại không rõ ràng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy thâm dụng dầu trong sản xuất của Việt Nam ngày càng giảm.

Tại Chương 3, các tác giả tập trung phân tích định lượng ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến các biến số vĩ mô của Việt Nam và phản ứng của chính sách tiền tệ thông qua việc sử dụng mô hình SVAR phân tích cho dữ liệu tần suất tháng. Kết quả nghiên cứu dữ liệu cho thấy các cú sốc tăng giá dầu gây ra áp lực lạm phát nhưng đồng thời cũng ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng sản xuất công nghiệp do hệ quả của tăng tổng cầu toàn cầu. Trong khi đó cú sốc giá dầu giảm không cho thấy những ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến nền kinh tế. Kết quả này phần nào cho thấy phản ứng bất đối xứng của nền kinh tế với cú sốc giá dầu. CSTT Việt Nam đã phản ứng với các cú sốc tăng giá dầu theo hướng thắt chặt để kiểm soát lạm phát tương tự như sự lựa chọn của nhiều nền kinh tế. Tuy nhiên, CSTT không luôn luôn phản ứng với các cú sốc tăng giá dầu theo cách này mà chỉ phản ứng khi cú sốc tăng giá dầu gây ra áp lực lạm phát cao trong nền kinh tế. Ngược lại, khi xảy ra các cú sốc giảm giá dầu, CSTT hoàn toàn không phản ứng mà nguyên nhân là do các mục tiêu chính sách không chịu áp lực với cú sốc giá dầu theo chiều hướng này. Điều này cho thấy rằng CSTT đặt trọng số lớn vào diễn biến lạm phát và chỉ phản ứng khi xảy ra các áp lực đối với mục tiêu này.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu tại các chương 1,2,3, nhóm tác giả đưa ra một số kết luận về kết quả nghiên cứu và một số khuyến nghị về giảm dần sự phụ thuộc của nền kinh tế vào năng lượng từ dầu, về kiểm soát ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến lạm phát và sản lượng trong nước từ khía cạnh kinh tế thực và khuyến nghị về chính sách tiền tệ.

3. Đề tài: Giải pháp xây dựng hệ thống e-learning hiệu quả cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chủ nhiệm: ThS. Đặng Xuân Huệ, Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng, NHNN

Mã số: ĐTNH-CS.002/21

Thời gian nghiệm thu:

Kết quả nghiệm thu: Khá

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Lý luận về đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức và hệ thống e-learning.
- Thực trạng hệ thống e-learning của NHNN.
- Giải pháp xây dựng hệ thống e-learning hiệu quả tại NHNN..

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống E-Learning hiệu quả cho NHNN Việt Nam, đề tài ĐTNH-CS.002/21 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu các vấn đề lý luận chung, gồm: (i) Lý luận về đào tạo, bồi dưỡng (ĐTBD) cán bộ công chức; quy trình, cấp độ và công cụ đánh giá kết quả ĐTBD; (ii) Lý luận về E-learning, hệ thống E-Learning và một số lý thuyết liên quan như Lý thuyết về tham gia E-Learning với mô hình chấp nhận công nghệ E-Learning (TAM), Lý thuyết tự quyết định (Self-determination theory - SDT), Lý thuyết hợp nhất chấp nhận và sử dụng công nghệ (Unified theory of acceptance and use of technology - UTAUT). Chương 1 cũng phân tích các chủ trương, chính sách của Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức.

Chương 2 đánh giá khái quát về ĐTBD cán bộ công chức NHNN; Thực trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật, pháp lý, nhân lực cho E-Learning và hệ thống E-Learning tại NHNN; đánh giá tình hình tham gia E-Learning/hệ thống E-Learning của người học tại NHNN và hiệu quả hệ thống E-Learning tại NHNN.

Về cơ sở vật chất, kỹ thuật, theo yêu cầu cho ĐTBD, một hệ thống ĐTBD E-Learning cần bao gồm các cấu phần: Phần mềm đào tạo trực tuyến; Hạ tầng công nghệ thông tin; Bài giảng điện tử. Ở NHNN, Phần mềm đào tạo trực tuyến của NHNN đang được đầu tư ở mức cơ bản; Hạ tầng công nghệ thông tin của Hệ thống sử dụng hạ tầng

CNTT sẵn có tại Trung tâm dữ liệu của Cục CNTT; Hệ thống bài giảng điện tử được sản xuất hàng năm, sử dụng một phần kinh phí ĐTBĐ hàng năm của NHNN. Đề tài cũng thực hiện đánh giá tình hình tham gia E-Learning/hệ thống E-Learning của người học tại NHNN và hiệu quả hệ thống E-Learning của NHNN.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu tại Chương 1 và Chương 2, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống Elearning của NHNN cho mục đích ĐTBĐ cán bộ công chức NHNN./.

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 1 - 2023

1. Diễn đàn kịch bản kinh tế Việt Nam năm 2023.

Thời gian tổ chức: 11/1/2023

Đơn vị thực hiện: Bộ Ngoại giao

Nội dung hội thảo:

Ngày 11/1, Tạp chí Kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức Diễn đàn thường niên lần thứ 15 kịch bản Kinh tế Việt Nam năm 2023 với chủ đề “Tối ưu nguồn lực, vượt qua thách thức”. Tham dự và chủ trì Diễn đàn có Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao Nguyễn Minh Vũ; ông Nguyễn Đức Hiền, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, cùng đại diện lãnh đạo các Bộ: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; đại diện lãnh đạo các địa phương: tỉnh Sơn La, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Điện Biên, Tuyên Quang, Thanh Hóa..., cùng đông đảo các chuyên gia kinh tế trong nước, quốc tế và lãnh đạo các Tập đoàn doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài, doanh nghiệp Việt Nam. Tiếp nối hành trình 15 năm, Diễn đàn thường niên Kịch bản Kinh tế Việt Nam - VESF (2008-2023) đã trở thành kênh thông tin trao đổi, đối thoại và hiến kế về các vấn đề chính sách gắn với thực tiễn hoạt động của các ngành kinh tế trong mối tương quan với bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam.

Phát biểu khai mạc Diễn đàn, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao Nguyễn Minh Vũ cho rằng, với ý nghĩa là một trong những Diễn đàn kinh tế đầu tiên của năm 2023, ngoài việc đánh giá kết quả và bài học kinh nghiệm của năm 2022, đây là thời điểm phù hợp để dự báo sát nhất kịch bản tăng trưởng của kinh tế thế giới năm 2023, để từ đó đánh giá tác động đến kinh tế Việt Nam. Các ý kiến tham luận sẽ là nguồn tham khảo hữu ích để các ban, bộ, ngành Trung ương, địa phương và nhất là cộng đồng doanh nghiệp cập nhật, hoàn thiện lại các chương trình hành động, kế hoạch kinh doanh. Về năm 2023, Thứ trưởng Thường trực Nguyễn Minh Vũ cho rằng môi trường quốc tế và khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, nhiều biến động, rủi ro,

hiều mặt sẽ khó khăn, thách thức hơn. Chủ đề của Diễn đàn lần này là “Tối ưu nguồn lực, Vượt qua thách thức” thực sự rất phù hợp với bối cảnh thế giới trong “nguy” có “cơ” nhưng “nguy” nhiều hơn “cơ” hiện nay. Điều này thậm chí còn ý nghĩa hơn một chủ đề, mà là khẩu hiệu hành động rất thức thời cho tất cả các ngành và doanh nghiệp.

Theo Thứ trưởng Thường trực Nguyễn Minh Vũ, kinh tế thế giới có ba đặc điểm, xu hướng đáng chú ý. Thứ nhất, kinh tế thế giới đang mất dần động lực tăng trưởng, đứng trước nguy cơ suy thoái kỹ thuật (IMF dự báo 1/3 các nền kinh tế trên thế giới sẽ suy thoái trong năm 2023). Các động lực tăng trưởng như: xuất khẩu - đầu tư - tiêu dùng toàn cầu dự báo sẽ suy giảm. Thứ hai, các chuyển đổi mang tính cơ cấu sẽ tiếp tục tạo ra các “va đập”, “tái cấu trúc” và định hình các nguyên tắc, “luật chơi” mới trong quản trị kinh tế toàn cầu, thậm chí một số lĩnh vực có thể sớm đi vào thực thi (như thương mại xanh, thuế tối thiểu toàn cầu...). Trong bối cảnh đó, cạnh tranh chiến lược nước lớn về kinh tế sẽ tiếp tục gia tăng quyết liệt hơn. Thứ ba, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, được đánh giá là trọng tâm của kinh tế thế giới, là động lực tăng trưởng, đồng thời là trung tâm của nhiều liên kết, sáng kiến kinh tế mới của các nước. Tuy vậy, Thứ trưởng Thường trực cũng cho rằng bối cảnh nhiều “gam màu xám” nêu trên cũng cho doanh nghiệp Việt Nam những cơ hội. Nếu kịp thời nắm bắt, hoà nhịp vào các xu thế mới, tranh thủ các động lực tăng trưởng mới từ kinh tế xanh và chuyển đổi số, thu hút được các nguồn lực đầu tư mới, đây cũng sẽ là thời cơ để doanh nghiệp tạo ra các đột phá, các nền tảng để “bứt tốc” trong tương lai.

Thứ trưởng Thường trực cho biết, năm 2023 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2021-2025, là năm tạo đà quan trọng hướng tới hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030. Trong bối cảnh bên ngoài gia tăng bất ổn, đan xen cơ hội và thách thức, để hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đề ra phương châm chỉ đạo 16 chữ: “Đoàn kết, kỷ cương - Bản lĩnh, linh hoạt - Chủ động, sáng tạo - Kịp thời, hiệu quả”. Đây sẽ là kim chỉ nam cho các bộ, ngành, địa phương trong triển khai công tác năm 2023, trong

đó có việc tích cực hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp. Từ góc độ kinh tế đối ngoại và triển khai công tác ngoại giao kinh tế, Thứ trưởng Thường trực nhấn mạnh đến phương châm 3K. Một là, kiên định “ổn định chiến lược”, trong đó việc duy trì, củng cố nội lực của nền kinh tế là rất cần thiết. Đối với các nhà hoạch định chính sách, ổn định kinh tế vĩ mô trong khi duy trì mức tăng trưởng hợp lý là mục tiêu xuyên suốt được đề ra trong các kế hoạch, nghị quyết của năm 2023. Đối với doanh nghiệp, cần duy trì được các yếu tố nền tảng, các bạn hàng lớn, thị trường chiến lược, đồng thời đa phương hóa, đa dạng hóa, tận dụng mọi cơ hội, tranh thủ các thị trường ngách. Hai là, kiên quyết giữ vững “tự chủ”, “tự cường” gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, trên cơ sở làm chủ khoa học công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số. Các doanh nghiệp Việt - các “gen nội” của nền kinh tế cần đầu tư hơn nữa cho nghiên cứu và phát triển (R&D) trên cơ sở gắn với nhu cầu của thị trường, tăng cường đầu tư đào tạo và đào tạo lại kỹ năng cho người lao động để cải thiện vị trí trong các chuỗi giá trị toàn cầu. Ba là, kiên trì “phát triển bền vững”, các chính sách, kế hoạch sẽ phải điều chỉnh, thích ứng với tình hình dự báo nhiều bất ổn của năm 2023, tuy vậy cần bảo đảm cân bằng, phù hợp giữa các lộ trình trong ngắn hạn và dài hạn, có trọng tâm, trọng điểm để tối ưu hoá nguồn lực.

Thứ trưởng Thường trực mong muốn với sự góp mặt của đại diện lãnh đạo các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các địa phương, doanh nghiệp, chuyên gia, học giả và các đối tác quốc tế, Diễn đàn lần này sẽ làm rõ kịch bản của kinh tế thế giới năm 2023, đánh giá tác động đối với kinh tế và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Theo Thứ trưởng Thường trực, những thời cơ xuất hiện nhưng cũng đang kết thúc nhanh trong 1-2 năm tới để đất nước có thể bứt phá thông qua việc kết nối kịp thời với những xu thế phát triển mới, quá trình sắp xếp lại các chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất với vị trí địa chiến lược của đất nước nằm ở khu vực Châu Á, Thái Bình Dương-Ấn Độ Dương. Cùng với đó, thông qua Diễn đàn sẽ khuyến nghị các biện pháp nhằm thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, nhất là công nghiệp hoá - hiện đại hoá, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi số và các giải pháp đối với cộng đồng doanh nghiệp. Thứ trưởng Thường trực Nguyễn Minh Vũ cho biết, năm 2022, công tác

Ngoại giao kinh tế đã đánh dấu bước phát triển mới với việc Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022, đưa công tác ngoại giao kinh tế trở thành một nhiệm vụ cơ bản, trung tâm nền ngoại giao.

Với tinh thần “lấy người dân, địa phương, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ”, Bộ Ngoại giao đang triển khai quyết liệt công tác ngoại giao kinh tế ngay từ đầu năm 2023 với một số trọng tâm. Một là, tăng cường kết nối doanh nghiệp, địa phương thông qua mạng lưới 94 cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nhằm duy trì, mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư FDI chất lượng cao, tiếp cận các nguồn tài chính mới; hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài. Hai là, đưa hợp tác kinh tế trở thành nội dung cơ bản, trung tâm của hoạt động đối ngoại cấp cao, qua đó thiết lập quan hệ với các đối tác chủ chốt, tạo đột phá trong hợp tác quốc tế ở một số lĩnh vực quan trọng như chuyển đổi xanh, kinh tế số, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo... Ba là, tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu, theo dõi sát tình hình, điều chỉnh chính sách của các nước; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn thông tin thiết thực, kịp thời về lĩnh vực, địa bàn...

Năm nay, bên cạnh Phiên khai mạc, tham luận, thảo luận, Diễn đàn diễn ra phiên đặc biệt - phiên tranh biện giữa các chuyên gia kinh tế với hai cặp tranh biện về chủ đề nhận định các chiều hướng của thách thức và đánh giá khả năng xoay chuyển, hóa giải thành công của Việt Nam cũng như của cộng đồng doanh nghiệp. Trên cơ sở tham khảo các nhận định và phân tích của các chuyên gia, Phiên thảo luận với chủ đề “Tối ưu nguồn lực, sẵn sàng vượt qua thách thức” được đại diện các bộ, ngành cũng lãnh đạo các hiệp hội, doanh nghiệp trao đổi cụ thể, ứng với thực tiễn hiện trạng hoạt động của từng lĩnh vực, thị trường và khu vực doanh nghiệp./..

Theo Trang thông tin đối ngoại điện tử Ban đối ngoại Trung ương

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Hội nghị toàn quốc của Chính phủ với địa phương tổng kết công tác năm 2022 và triển khai Kết luận của Trung ương, Nghị quyết của Quốc hội khóa XV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

Thời gian tổ chức: 3/1/2023

Đơn vị thực hiện: Chính phủ

Nội dung hội thảo:

Sáng 03/01, tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc của Chính phủ với địa phương tổng kết công tác năm 2022 và triển khai Kết luận của Trung ương, Nghị quyết của Quốc hội khóa XV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) Nguyễn Thị Hồng đã trình bày tham luận với chủ đề “Chính sách tiền tệ: Ứng phó linh hoạt, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế”

Bày tỏ sự nhất trí cao với báo cáo trung tâm của Hội nghị, Thống đốc Nguyễn Thị Hồng đánh giá, năm 2022, nền kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, chịu áp lực rất lớn từ biến động khó lường của kinh tế thế giới và trong nước, vừa phải khắc phục những hạn chế, bất cập từ nội tại nền kinh tế, vừa phải xử lý những vấn đề mới phát sinh chưa từng có tiền lệ. Tuy nhiên, với sự quan tâm sâu sắc của các cấp lãnh đạo Đảng, Quốc hội, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ; sự vào cuộc trách nhiệm của các Bộ, ban, ngành, trung ương và địa phương; sự đồng hành của doanh nghiệp và người dân, kinh tế vĩ mô của nước ta cơ bản ổn định. Việt Nam là quốc gia duy nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và là một trong số ít quốc gia trên thế giới được nâng bậc tín nhiệm kể từ đầu năm đến nay. Đây là kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực chứng kiến lạm phát tăng cao và nhiều nền kinh tế suy giảm tăng trưởng. Năm 2022, biến động tài chính, tiền tệ quốc tế và trong nước là vấn đề nóng, nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, của doanh nghiệp và người dân cả nước. Bởi vậy, tại Hội nghị hôm nay, NHNN xin tham luận với chủ đề “Chính sách tiền tệ: Ứng phó linh hoạt, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng tính độc lập tự chủ của nền kinh tế” với một số nội dung cụ thể sau:

Bối cảnh khó khăn và bài toán đặt ra cho điều hành chính sách tiền tệ năm 2022

Năm 2022 là một năm vô cùng thách thức đối với việc điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) khi cùng một lúc chịu áp lực bởi xu hướng tăng lạm phát, lãi suất, đồng đô la

Mỹ trên phạm vi toàn cầu và những khó khăn của thị trường chứng khoán, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp ở trong nước. Một loạt bài toán khó đặt ra như: (i) Làm thế nào để điều hành tín dụng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế mà vẫn phải đảm bảo an toàn hệ thống trong khi một số chỉ tiêu tiền tệ như tỷ lệ tín dụng/huy động vốn và dư nợ tín dụng/GDP của Việt Nam đã và đang ở ngưỡng cảnh báo; (ii) Làm thế nào ổn định được thị trường ngoại hối khi nền kinh tế của ta có độ mở cửa lớn, sản xuất trong nước phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, đồng Đô la tăng giá mạnh, Việt Nam đang trong giai đoạn giám sát nâng cao về thao túng tiền tệ của phía Hoa Kỳ...; (iii) Làm thế nào ổn định được an toàn hệ thống khi thanh khoản hệ thống và niềm tin của thị trường chịu tác động mạnh bởi sự cố SCB chưa từng có tiền lệ. Với sự bình tĩnh, chủ động trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và việc thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách của NHNN, kết thúc năm 2022, CSTT đã có những đóng góp quan trọng, góp phần củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô. Đó là: góp phần kiểm soát lạm phát ở mức thấp (bình quân 3,15%), tăng trưởng kinh tế phục hồi ở mức cao (8,02%); tín dụng ước tăng khoảng 14,5%; thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định (VND mất giá 3,5%, mặt bằng lãi suất tăng khoảng gần 1%/năm, là mức biến động thấp hơn nhiều so với các nước trên thế giới và khu vực), thanh khoản hệ thống cơ bản được đảm bảo... Đặc biệt, tháng 11 vừa qua, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã đưa Việt Nam ra khỏi Danh sách giám sát nâng cao về thao túng tiền tệ, đồng thời, đánh giá cao công tác điều hành CSTT, tỷ giá của NHNN.

Bài học kinh nghiệm rút ra trong thực tiễn điều hành năm 2022

Thứ nhất, trong bối cảnh nền kinh tế của chúng ta có độ mở cửa lớn, những biến động kinh tế thế giới tác động tới kinh tế, tiền tệ trong nước là không tránh khỏi. Điều quan trọng là phải chuẩn bị tâm thế cho sự ứng phó linh hoạt với những biến động, từ đó nâng cao tính độc lập tự chủ của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập.

Thứ hai, NHNN luôn kiên định mục tiêu điều hành CSTT nhằm “góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế”, nhưng tùy theo diễn biến tình hình để xác định trọng tâm, trọng điểm ưu tiên trong từng thời điểm. Thực tế, từ tháng 10 khi sự cố SCB xảy ra tác động mạnh tới thanh khoản hệ thống và thị

trường, NHNN đã ưu tiên cao nhất và tập trung thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn hệ thống và ổn định thị trường ngoại hối.

Thứ ba, mỗi một chính sách đều có tác động khác nhau đối với các khu vực của nền kinh tế, điều quan trọng là cần bản lĩnh, ứng phó linh hoạt trên cơ sở bám sát diễn biến tình hình, cân nhắc thời điểm, liều lượng phù hợp của từng công cụ, giải pháp để hóa giải khó khăn nhằm đạt được mục tiêu. Xin được minh họa bằng thực tiễn điều hành chính sách lãi suất, tỷ giá và tín dụng trong năm 2022 như sau:

Việc điều hành tỷ giá năm 2022 chịu sự giám sát nâng cao của phía Hoa Kỳ, trước sức ép đồng Đô la Mỹ tăng cao, nếu thực hiện theo cam kết, NHNN sẽ khó ổn định được thị trường. Bởi vậy, NHNN đã chủ động đàm phán với phía Mỹ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để điều hành tỷ giá linh hoạt hơn. Từ tháng 10/2022, xu hướng lãi suất, đồng đô la Mỹ tăng cao cùng sự cố Ngân hàng SCB đã tác động tiêu cực đến tâm lý, kỳ vọng và thanh khoản thị trường, tỷ giá tăng kịch trần, giao dịch thị trường gần như đóng băng, tâm lý găm giữ ngoại tệ dâng cao.

Trước bối cảnh đó, NHNN đã cấp bách triển khai nhiều giải pháp để tập trung ưu tiên cải thiện thanh khoản. Theo đó, chưa điều chỉnh tăng trưởng tín dụng trong tháng 10. Khi thanh khoản hệ thống được cải thiện, tác động từ bên ngoài dịu bớt, NHNN đã điều chỉnh tăng trưởng tín dụng thêm 1,5-2%. Để ổn định thị trường ngoại hối, NHNN đã thực hiện đồng thời các giải pháp như: tăng biên độ giao dịch của tỷ giá từ +3% lên +5% để linh hoạt cho phép VND mất giá đến 9%, sẵn sàng bán ngoại tệ can thiệp, điều chỉnh tăng 1% các mức lãi suất điều hành, nhờ vậy mà thị trường đã dần ổn định trở lại. Năm 2022, VND mất giá khoảng 3,5% – thấp hơn nhiều so với các đồng tiền khác trên thế giới và khu vực.

Điều hành CSTT và kiến nghị chính sách năm 2023

Năm 2023 tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn. Người đứng đầu Quỹ tiền tệ quốc tế vừa mới nhận định 1/3 nền kinh tế toàn cầu sẽ bị ảnh hưởng bởi suy thoái, và cảnh báo thế giới sẽ đối mặt với một năm 2023 khó khăn hơn. Trong nước, lạm phát cơ bản đang có xu hướng tăng cao trong khi vẫn cần thực hiện các giải pháp hỗ trợ nền kinh tế, những khó khăn trên thị trường chứng khoán, bất

động sản, trái phiếu doanh nghiệp chưa được giải quyết căn bản. Bởi vậy, NHNN sẽ: (i) Tập trung các giải pháp, ưu tiên cao nhất đảm bảo thanh khoản, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống ngân hàng; (ii) tiếp tục điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ CSTT, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối; (iii) Điều hành tín dụng phù hợp, góp phần duy trì đà phục hồi của nền kinh tế; hướng dòng vốn tín dụng tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ của ngành ngân hàng tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia; (iv) Phối hợp các Bộ, ngành để tham mưu các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các thị trường.

CSTT với bản chất là ngắn hạn nên cần hạn chế sử dụng để giải quyết các vấn đề mang tính trung, dài hạn. CSTT ngoài việc góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thì nhiệm vụ quan trọng là phải đảm bảo an toàn hệ thống, bởi vậy xét từ góc độ tổng thể nền kinh tế, các chính sách kinh tế cần có sự cân đối và phối hợp đồng bộ hơn giữa. Chẳng hạn:

Để tháo gỡ khó khăn, ách tắc thanh khoản trong nền kinh tế, cần thúc đẩy giải ngân đầu tư công, thực hiện giảm, giãn thuế, điều chỉnh giá bất động sản... để khơi thông dòng tiền giữa các khu vực trong nền kinh tế. Nếu quá phụ thuộc vào nguồn vốn tín dụng ngân hàng có thể gây hệ lụy và rủi ro trong tương lai vì các chỉ tiêu tiền tệ, tín dụng của Việt Nam đã và đang ở ngưỡng cảnh báo;

Để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, ngành Ngân hàng tập trung thực hiện các giải pháp cải cách, đơn giản thủ tục cho vay để nâng cao khả năng tiếp cận vốn. Tuy nhiên, đối với nhiều doanh nghiệp không đủ điều kiện vay vốn, cần các giải pháp chính sách hỗ trợ khác từ phía nhà nước như bảo lãnh tín dụng, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cần được thực thi hiệu quả...

Theo sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 1 - 2023

1. Chuyên Gia Kinh Tế Bước Vào Nhà Thổ Và Những Nơi Không Ngờ Khác Để Hiểu Về Rủi Ro.

Nguồn: NXB Dân Trí

Tác giả: Allison Schrager

Dịch giả:

Giới thiệu ấn phẩm:

Khi nghe hai từ "rủi ro" người ta thường nghĩ đến một thứ gì đó khủng khiếp, một viễn cảnh vô cùng tồi tệ như bị mất việc, mất tài sản, hay mất vợ, mất chồng. Nhưng dù có nhận thức được hay không, mỗi ngày, mỗi giờ, chúng ta đều đang mạo hiểm, đang chấp nhận những rủi ro lớn nhỏ bởi vấn đề này ở khắp nơi. Chúng ta chấp nhận rủi ro để khiến cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Chúng ta đánh cược để có thứ mình muốn, ngay cả khi khả năng sẽ là bị mất sạch.

Theo bước chân của chuyên gia kinh tế đến những nơi không ngờ nhất, cuốn sách này sẽ cho bạn thấy cách chủ động mạo hiểm và tránh tối đa việc xảy ra những tình huống tồi tệ. Nắm rõ cách sử dụng những công cụ giảm thiểu rủi ro mà cuốn sách đưa ra, bạn sẽ không còn phó mặc mọi sự may rủi và cầu mong nhận được một kết quả tốt nhất nữa. Bạn sẽ đưa ra những quyết định sáng suốt để xử lý những rủi ro ngày càng phức tạp hơn mỗi ngày!

Tiến sĩ kinh tế Allison Schrager là thành viên cao cấp tại Manhattan Institute. Các nghiên cứu của bà tập trung vào tài chính công, lương hưu, chính sách thuế, thị trường lao động và chính sách tiền tệ.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Hậu Khủng Hoảng: Bảy Bí Quyết Bảo Toàn Của Cải Trong Thời Gian Tới.

Nguồn: James Rickards

Tác giả: Mai Mai Hương

Dịch giả: Nxb Trẻ

Giới thiệu ấn phẩm:

Hậu Khủng Hoảng: Bảy Bí Quyết Bảo Toàn Của Cải Trong Thời Gian Tới

Trong tâm trí người bình thường chúng ta, hơn 12 năm qua có lẽ vẫn chưa hết kinh hoàng và đau đớn từ khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008! Gần như chỉ qua một đêm, hàng triệu con người bình thường với những khoản vay bình thường để xây dựng cuộc sống âm no bình thường — vay mua nhà, vay vốn làm ăn, người về hưu gửi tiết kiệm lấy lãi để đắp đổi thu nhập... — đột nhiên phải gánh chịu lãi suất khoản vay điều chỉnh tăng chóng mặt, còn lãi suất tiết kiệm rớt theo chiều ngược lại...

Hơn 12 năm qua, nói đến thị trường tài chính, hầu hết dân thường đều như chim sợ cành cong! Mọi người hết sức chật vật sinh tồn, và mơ hồ tin rằng các ngân hàng trung ương trên thế giới đã nỗ lực ngăn chặn được một sự sụp đổ hoàn toàn của các thị trường vốn, khôi phục tăng trưởng tự-duy-trì. Kinh tế toàn cầu đang trên đường phục hồi, có lẽ vậy! Và ai mà không muốn tin như vậy.

Nhưng cái mà người bình thường dễ nhìn ra nhất là bong bóng bất động sản, chẳng phải chúng lại đang vào chu kỳ trương phồng ở khắp nơi nữa sao? Và giá vàng liên tục lập những đỉnh mới!

Ngay trang đầu giới thiệu, "Hậu khủng hoảng" đưa ra cảnh báo chắc nịch rằng cuộc khủng hoảng 2008 chưa bao giờ thực sự kết thúc! Và như trận Xích Bích chỉ còn chờ gió đông, tác giả James Rickards khẳng định chỉ cần có một trong những chất xúc tác sau đây là củi khô bùng cháy: chiến tranh, bất ổn chính trị, và... đại dịch!

Đại dịch? Chúng ta ở trong đại dịch Covid-19 hai năm rồi!

Trong cuốn sách thực tế nhất của mình cho đến nay, chuyên gia tài chính và cố vấn đầu tư James Rickards chỉ ra cho chúng ta thấy nguyên nhân gây ra cơn sốt giá giả tạo trên thị trường tài chính toàn cầu, chứng khoán và các tài sản tài chính đang được thổi giá như thế nào — và những nhà đầu tư thông minh có thể làm gì để bảo vệ tài sản của mình.

Có lên ắt có xuống. Những đỉnh cao chóng mặt của thị trường chứng khoán không thể tiếp tục vô thời hạn — nhất là vì tài sản đã được thổi giá tăng giả tạo bởi sự lạc

quan của giới đầu tư thời chính quyền Trump, lãi suất thấp khủng khiếp và kinh tế học hành vi thâm nhập vào đời sống tài chính. Giới quyền thế tiền tệ đã chuẩn bị sẵn sàng, nhưng những nhà đầu tư bình thường phải làm gì?

James Rickards, tác giả những cuốn sách tiên tri, như "Các cuộc chiến tranh tiền tệ", trình bày những rủi ro thực sự đối với hệ thống tài chính toàn cầu, và đưa ra lời khuyên vô giá về cách tốt nhất để vượt qua cơn bão. "Hậu khủng hoảng" là cuốn sách mà mọi nhà đầu tư thông minh sẽ muốn chạm tay vào – càng sớm càng tốt.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)